

中華民國 114 年 5 月 19 日 本校 114 學年度產學合作國際專班二年制招生委員會第一次會議通過
Trung Hoa Dân Quốc ngày 19 tháng 5 năm 2025 Thông qua kỳ họp lần thứ nhất của Hội Đồng tuyển sinh hệ chuyên ban hợp tác quốc tế trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích tổ chức tuyển sinh năm 114(2025)



國立勤益科技大學

NATIONAL CHIN-YI UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

114 學年度新南向國際學生產學合作專班-二年制學士班 申請入學招生簡章（草案）

Hướng dẫn đăng ký tuyển sinh Tân Hướng Nam Hệ Chuyên
Ban Hợp Tác Quốc Tế Năm 2025- Hệ 2.5 năm



招生班別資訊 Thông tin khoa tuyển sinh

日間部二年制-工程學院冷凍空調與能源系二技國際學生產學合作專班

Chương trình cử nhân 2.5 năm –Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế - Ngành Công nghệ năng lượng và Điện lạnh

校址：411030 臺灣臺中市太平區坪林里中山路二段 57 號

Địa chỉ: No. 57, Zhongshan Rd., Sec. 2, Taiping Dist., Taichung City 411030, Taiwan (R.O.C)

洽詢電話 Số điện thoại liên lạc：+886-4-23924505 轉分機 ext. 2198

傳真電話 Số Fax：886-4-23939845

學校網址 Địa chỉ website trường： <https://www.ncut.edu.tw/>

招生網址 Địa chỉ website tuyển sinh： <https://ibpiuc.ncut.edu.tw/>

目錄 / Mục lục

※重要日程表※	Lịch trình quan trọng.....	- 2 -
※網路報名流程※	Quy trình báo danh trực tuyến.....	- 3 -
一、招生系所資訊	Thông tin ngành tuyển sinh	- 4 -
二、申請資格	Điều kiện đăng ký.....	- 4 -
三、申請流程	Quy trình đăng ký	- 6 -
四、甄審方式	Phương thức xét tuyển	- 8 -
五、寄發錄取通知書	Gửi, phát giấy thông báo trúng tuyển	- 9 -
六、報到及註冊入學	Đăng ký và ghi danh nhập học	- 9 -
七、其他申請注意事項	Những điều cần chú ý khác khi làm hồ sơ đăng ký....	- 11 -
八、實用資訊	Thông tin thực dụng.....	- 12 -
九、招生委員會	Hội đồng tuyển sinh.....	- 19 -
附錄	Phụ lục	- 21 -

※重要日程表※ Lịch trình quan trọng

工作項目 Mục công việc	重要日期 Ngày quan trọng
早鳥報名 Đăng ký sớm	2025 年 5 月 13 日~2025 年 6 月 01 日 13/05/2025~01/06/2025
公告招生簡章 Công bố tài liệu hướng dẫn tuyển sinh	2025 年 5 月 19 日 19/05/2025
一般線上報名 Đăng ký trực tuyến	2025 年 6 月 02 日~2025 年 7 月 4 日 02/06/2025~04/07/2025
甄審及結果公告 Công bố xét duyệt và kết quả	2025 年 7 月 05 日~2025 年 7 月 31 日 05/07/2025~31/07/2025
寄發確定就讀具結書及錄取 (含有條件錄取)通知書 Gửi phát thông báo giấy nhập học và kết quả trúng tuyển (bao gồm:điều kiện trúng tuyển)	2025 年 8 月 01 日~2025 年 8 月 05 日 01/08/2025~05/08/2025
啟動遞補程序 Tiến hành quá trình xét duyệt bổ sung	
公告最終錄取名單 Hạn cuối thông báo danh sách sinh viên trúng tuyển	2025 年 8 月 7 日 7/08/2025
協助辦理簽證 Hỗ trợ làm thị thực VISA	2025 年 8 月 18 日~2025 年 8 月 29 日 18/08/2025~29/08/2025
註冊報到日及開學 Ngày đăng ký báo danh nhập học và khai giảng	2025 年 9 月 08 日 8/09/2025

※上述表列各項時間均為臺灣時間，為確保您的權益，建議您儘早作業。

Các ngày được liệt kê ở trên là giờ Đài Loan. Để bảo vệ quyền lợi của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên bắt đầu chuẩn bị càng sớm càng tốt.

※為維護您的權益，請詳閱本簡章各節之規定。

Để bảo vệ quyền lợi của bạn, vui lòng đọc kỹ từng quy định của tập tài liệu này.

※「啟動備取生遞補正取程序」及「寄發確定就讀具結書及錄取(含有條件錄取)通知書」得視甄審作業時間遞延或提前。

Tiến hành quá trình xét duyệt bổ sung đối với các hồ sơ trong danh sách chờ và gửi phát thông báo giấy nhập học và kết quả trúng tuyển(bao gồm:điều kiện trúng tuyển) có thể bị hoãn hoặc sớm hơn tùy thuộc vào thời gian phỏng vấn.

※因應傳染病或特殊情況，經招生委員會同意後，線上報名及甄審時間若推遲，公告錄取名單、寄發錄取通知、協助辦理簽證等時間亦將連帶延後。

Do tình hình đặc biệt, sau khi thông qua sự đồng ý của hội đồng tuyển sinh, thời gian báo danh trực tuyến, thời gian xét tuyển, thời gian hỗ trợ làm thị thực có thể bị hoãn lại, thời gian công bố danh sách trúng tuyển và gửi giấy báo nhập học và các giấy tờ liên quan do đó cũng có thể bị hoãn lại.

※簽署「確定就讀具結書」攸關學生權益，請將附件 3 確定就讀具結書填妥並親筆簽名，依本校電子郵件內所訂期限回傳至 int-program@ncut.edu.tw，逾期視同放棄錄取資格，不得異議。

Việc ký vào giấy "Xác nhận nhập học" có ý nghĩa quan trọng đối với quyền và lợi ích của học sinh, Vui lòng điền và ký tên vào biểu mẫu xác nhận nhập học trong tệp đính kèm 3 và gửi lại bản xác nhận đó vào mail của trường: int-program@ncut.edu.tw trước thời hạn được đề cập trong thư từ trường. Vượt quá thời hạn sẽ được coi là từ bỏ nhập học và không được phép có ý kiến phản đối.

※網路報名流程※

Quy trình báo danh trực tuyến

系統開放時間為臺灣時間 2025 年 06 月 2 日上午 08:00 至 2025 年 7 月 04 日下午 5:00，請務必於期間內完成報名及資料上傳作業，並建議提早作業。

Giờ mở cửa hệ thống là theo giờ Đài Loan: Từ 08:00 sáng ngày 02/06 /2025 (thứ 2) đến 5:00 chiều ngày 04/07/2025. Hãy đảm bảo hoàn thành việc đăng ký báo danh và truyền tải dữ liệu lên trong khoảng thời gian này, chúng tôi khuyên bạn nên tiến hành đăng ký càng sớm càng tốt.

簡章下載
Tải tài liệu xuống

招生網址 Website tuyển sinh: <http://appls.ncut.edu.tw/ibpiuc/Entry>

請詳閱招生簡章，確認您的申請資格及系所。

Xin vui lòng đọc kỹ phần thông tin tuyển sinh và xác nhận lại điều kiện đăng ký và ngành học mà bạn chọn



建立新帳號及啟用
Tạo tài khoản mới và
kích hoạt

請在報名系統(網址: <http://appls.ncut.edu.tw/ibpiuc/Entry>)或本專班招生網頁(網址: <https://ibpiuc.ncut.edu.tw/>)點選「線上報名」即可連結至報名系統。Xin vui lòng báo danh trên hệ thống (web: <http://appls.ncut.edu.tw/ibpiuc/Entry>) hoặc trên trang tuyển sinh hệ chuyên ban (web: <https://ibpiuc.ncut.edu.tw/>) nhấn chọn (báo danh trực tuyến) là bạn có thể liên kết với hệ thống đăng ký báo danh.

1. 利用常用電子郵件信箱建立新帳號。
Tạo tài khoản mới bằng địa chỉ email mà bạn thường xuyên sử dụng.
2. 於電子郵件信箱接收啟用通知。
Nhận thông báo kích hoạt tài khoản bằng hộp thư điện tử của bạn.
3. 啟用帳號。Kích hoạt tài khoản.



系統登入
Đăng nhập hệ thống

啟用帳號後，請於報名系統輸入電子郵件信箱及密碼進行登入報名作業。

Sau khi kích hoạt tài khoản, vui lòng nhập địa chỉ email và mật khẩu của bạn vào hệ thống đăng ký báo danh để đăng nhập và đăng ký.



輸入報名資料
Nhập thông tin đăng ký

1. 請依系統指示逐一輸入報名資料。
Vui lòng nhập lần lượt các thông tin đăng ký theo hướng dẫn của hệ thống.
2. 輸入完成後請按「儲存」。
Sau khi nhập thành công xin vui lòng nhấn (Lưu).
3. 報名資料經按「送出」，無法再更改。
Thông tin đăng ký báo danh sau khi đã nhấn (Gửi) thì không thể thay đổi.



上傳書面審查資料
Tải lên các tài liệu xét
tuyển bằng văn bản

1. 請依系統指示分別上傳書面審查資料。
Vui lòng tải lên riêng biệt từng tài liệu xét tuyển bằng văn bản theo hướng dẫn của hệ thống.
 2. 書審資料上傳完畢後請按「儲存」，確認後請按「送出」。
Sau khi các tài liệu xét tuyển được tải lên xong vui lòng nhấn (Lưu), sau khi xác nhận vui lòng nhấn (Gửi).
- ※應上傳繳交書審資料請詳見簡章第 9 頁。
Để biết thêm chi tiết các tài liệu cần tải lên và nộp để xét duyệt hồ sơ, vui lòng tham khảo trang 9 của tập tài liệu này.



確認報名狀態
Xác nhận trạng thái đăng
ký báo danh

1. 請至「報名情形總覽」確認您的報名狀態，未完成者請務必於報名期間內完成網路報名。Vui lòng truy cập "Tổng quan về tình hình đăng ký" để xác nhận tình trạng đăng ký của bạn, nếu bạn chưa hoàn thành đăng ký phải hoàn thành đăng ký trực tuyến trong thời gian đăng ký.
2. 請確認您的書審資料已確實上傳並送出。
Vui lòng xác nhận lại những tài liệu xét tuyển của bạn đã được tải lên và gửi đi.

一、招生系所資訊 Thông tin ngành tuyển sinh

1. 修業期限：日間部二年制學士班。
Thời gian học: Chương trình cử nhân 2.5 năm
2. 招生班別及名額 Ngành và số lượng chiêu sinh:

修業期限 Thời gian học	系所/專班名稱 Khoa/Tên lớp chuyên ban	授課語言 Ngôn ngữ giảng dạy	招生名額 Số lượng chiêu sinh
二年制學士班 Chương trình cử nhân 2.5 năm	冷凍空調與能源系國際學生產學合作專班 Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế - Ngành Công nghệ năng lượng và Điện lạnh	中文教學 Dạy bằng tiếng trung	40 名 40 người

3. 招生方式：採申請入學方式辦理。
Phương thức tuyển sinh: đăng ký xét tuyển.
4. 申請方式：一律採網路線上申請 (<http://appls.Ncut.edu.Tw/ibpiuc/Entry>)。
Phương thức đăng ký: Tất cả đều được đăng ký trực tuyến (<http://appls.Ncut.edu.Tw/ibpiuc/Entry>).
5. 修業方式：
 - 依該計畫專班上課模式，於修業期限內完成學校所需修習之課程及畢業學分數。
 - 本專班第一、二及第三學期於校內修課(1.5 年在校修課)；第四及第五學期提供校外實習必修及選修課程(1 年在校外實習)，合計修業年限為 2.5 年。

Phương thức học tập:

- Sinh viên phải tuân theo các yêu cầu của chương trình và hoàn thành tất cả các khóa học và tín chỉ tốt nghiệp của trường trong thời gian học.
 - Sinh viên theo học lớp chuyên ban này phải học trong trường vào **học kỳ 1, học kỳ 2 và kỳ thứ 3** (Học trong trường 1,5 năm). **Học kỳ 4 và học kỳ 5** sinh viên sẽ được sắp xếp các khóa thực tập bắt buộc và các môn học tự chọn (1 năm thực tập), thời gian học tổng cộng 2,5 năm.
6. 畢業應修學分數：
 - 工程學院冷凍空調與能源系二技國際學生產學合作專班: 72 學分

Số tín chỉ tối thiểu cần thiết để tốt nghiệp:

- Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế - Ngành Công nghệ năng lượng và Điện lạnh: 72 tín chỉ
7. 畢業門檻：學生須於畢業前取得華語文能力證書(TOCFL)至少 Level 2 (A2)等級。
Ngưỡng tốt nghiệp: Sinh viên phải có TOCFL cấp 2 hoặc cao hơn trước khi tốt nghiệp.

二、申請資格 Điều kiện đăng ký

申請人須符合「外國學生來臺就學辦法」規定：

Người đăng ký tuyển sinh cần phải phù hợp với các quy định của “Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học”.

1. 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，符合下列規定者，得依本辦法規定申請入學：
Là sinh viên nước ngoài, chưa từng có quốc tịch Đài Loan và phù hợp với những quy định dưới đây có thể căn cứ theo quy định của nhà trường để đăng ký nhập học:
 - (1) 未曾以僑生身分在臺就學。
Chưa từng học tập tại Đài Loan với tư cách là Hoa kiều.
 - (2) 未於申請入學當學年度依僑生回國就學及輔導辦法經海外聯合招生委員會分發。
Trong năm đăng ký xin nhập học chưa từng trở về nước với tư cách Hoa Kiều và trong năm đó cũng chưa nhận bất cứ giấy mời từ hội đồng chiêu sinh quốc tế đi hải ngoại học tập nào.(Điều 2, Quy định cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học).

2. 外國學生之國籍限東協十國、南亞六國及紐澳等新南向國家。
Sinh viên nước ngoài có quốc tịch được giới hạn trong mười quốc gia ASEAN, sáu quốc gia ở Nam Á, Úc và New Zealand và các quốc gia mới phía Nam,...
3. 具外國國籍並符合下列規定，且最近連續居留海外六年以上者，亦得依本規定申請入學。(計算至 2025 年 8 月 1 日)。(外國學生來臺就學辦法第 2 條)
Sinh viên nước ngoài phù hợp với những quy định ở dưới và thời gian gần đây đã cư trú tại nước ngoài liên tục từ 6 năm trở lên, cũng có thể đăng ký nhập học theo quy định này. (Tính đến ngày 01/08/2025).
(Điều 2, Quy định cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học).
- (1). 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。
Tại thời điểm đăng ký nhập học, sinh viên là người có quốc tịch Đài Loan, nhưng phải là người chưa đăng ký hộ tịch tại Đài Loan.
- (2). 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年(計算至 2025 年 8 月 1 日)。 Trước thời gian đăng ký nhập học sinh viên là người có quốc tịch Đài Loan nhưng tại thời điểm đăng ký nhập học sinh viên phải là người đã từ bỏ quốc tịch Đài Loan, và thời gian được tính hợp lệ kể từ ngày được bộ nội chính chấp thuận hủy bỏ quốc tịch Đài Loan cho đến thời điểm đăng ký xin nhập học là 8 năm.(Tính đến ngày 01/08/2025).
- (3). 前二款均應符合前項第一款及第二款規定。
Hai khoản trước cần phải phù hợp với yêu cầu của Điều 1 và Điều 2 của trang trước quy định.
依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經教育部核准，得不受前二項規定之限制。
Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục, sinh viên nước ngoài đến Đài Loan theo học do các trường, các đơn vị, các cơ quan chính phủ nước ngoài lựa chọn, tiền cử và những sinh viên đó chưa từng có hộ tịch Đài Loan, khi được bộ giáo dục phê duyệt thông qua, sẽ không bị giới hạn bởi Mục 2 của quy định trên.
4. 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿 6 年以上者 (計算至 2025 年 8 月 1 日)。(外國學生來臺就學辦法第 3 條)
Là sinh viên có quốc tịch nước ngoài, đã từng cư trú dài hạn tại Hồng Kông, MaCao, nhưng chưa từng đăng ký hộ tịch tại Đài Loan, tại thời điểm đăng ký đã từng cư trú liên tục 6 năm trở lên tại nước ngoài hoặc Hồng Kông, MaCao.(Tính từ ngày 01/08/2025).
(Điều 3, Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học).
5. 曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者 (計算至 2025 年 8 月 1 日)。(外國學生來臺就學辦法第 3 條)
Từng là công dân của các khu vực thuộc Trung Quốc mà có hộ tịch là người nước ngoài nhưng chưa từng đăng ký hộ tịch tại Đài Loan, và đã sinh sống ở nước ngoài trên sáu năm tại thời điểm đăng ký nhập học.(Tính từ ngày 01/08/2025).
(Điều 3, Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học).
上述所稱海外，指東協十國、南亞六國及紐澳等新南向國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間合計未逾一百二十日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾一百二十日予以認定。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：
Thuật ngữ “hải ngoại” được đề cập ở trên là đề cập đến mười quốc gia ASEAN, sáu quốc gia Nam Á, New Zealand và Úc,...và các quốc gia hoặc khu vực mới phía Nam; Thuật ngữ “cư trú liên tục” đề cập đến tổng thời gian lưu trú của sinh viên nước ngoài tại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm. Thời gian sinh viên cư trú liên tục tại hải ngoại được tính theo thời gian lưu trú tại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm theo quy định, không

phải tính theo nghĩa tròn 1 năm. Tuy nhiên, những người đáp ứng một trong các điều kiện sau và có các giấy tờ chứng minh liên quan, thì sẽ không bị giới hạn bởi quy định này; Thời gian sinh viên lưu trú tại Đài Loan sẽ không được tính vào thời gian sinh viên cư trú tại hải ngoại:

- (1). 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。
Học tại các lớp bồi dưỡng kỹ năng hải ngoại do đơn vị cơ quan Hoa Kiều tổ chức hoặc các lớp chuyên ban huấn luyện kỹ thuật được bộ giáo dục công nhận.
 - (2). 就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。
Sinh viên học tại các trung tâm Hoa Ngữ của các trường đại học, cao đẳng được bộ giáo dục phê duyệt để tuyển sinh sinh viên nước ngoài, tổng thời gian học tập không được quá 2 năm.
 - (3). 交換學生，其交換期間合計未滿二年。
Sinh viên trao đổi, thời gian trao đổi không được quá 2 năm.
 - (4). 經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。
Được sự chấp thuận của các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp trung ương cho phép đến Đài Loan thực tập, tổng thời gian thực tập không quá 2 năm.
6. 外國學生依上開規定申請來臺就學，以一次為限。(外國學生來臺就學辦法第 4 條)
Sinh viên nước ngoài có thể đăng ký đến Đài Loan du học theo quy định trên, tối đa chỉ được một lần.
(Điều 4, Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học)
7. 外國學生須符合教育部採認之高級中等以上學校畢業，或具有與我國學制相當之同等學力資格(依大學辦理國外學歷採認辦法第六條第一款第六項：以專科學校畢業學歷或具專科學校畢業同等學力進修學士學位者，累計修業時間至少須滿十六個月。)
Sinh viên nước ngoài ít nhất phải tốt nghiệp trung học phổ thông từ các trường được Bộ Giáo dục công nhận hoặc có trình độ học vấn tương đương với hệ thống giáo dục tại Đài Loan. (Theo Điều 6, khoản 1, mục 6 của Luật công nhận trình độ học vấn nước ngoài của Đài Loan: Người đang theo học chương trình cử nhân có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc có trình độ học vấn tương đương với tư cách là sinh viên tốt nghiệp cao đẳng phải có thời gian học tập tích lũy từ ít nhất mười sáu tháng.)
(教育部外國大學參考名冊查詢系統 <https://www.fsedu.moe.gov.tw/aa/default.html>)
Hệ thống tra cứu và tham khảo thông tin tuyển sinh của các trường của bộ giáo dục Đài Loan: <https://www.fsedu.moe.gov.tw/aa/default.html>)

三、申請流程 Quy trình đăng ký

1. 早鳥報名期間：自 2025 年 5 月 13 日~2025 年 6 月 01 日止。
Đăng ký sớm: Từ 13/05/2025 đến 01/06/2025.
2. 一般報名期間：自 2025 年 6 月 02 日~2025 年 7 月 04 日止。
Thời gian báo danh: Từ 02/06/2025 đến 04/07/2025.
3. 報名方式：請至報名系統填寫線上申請，並上傳相關表件，完成線上報名程序後，系統會自動發送報名完成電子郵件通知，請確認您所登錄的電子信箱可確實收件。
Phương thức báo danh: Vui lòng vào hệ thống đăng ký để điền vào đơn đăng ký trực tuyến và tải lên các biểu mẫu liên quan, sau khi hoàn tất quá trình đăng ký trực tuyến, hệ thống sẽ tự động gửi email thông báo hoàn thành đăng ký. Vui lòng xác nhận rằng email bạn đã đăng nhập có thể nhận được thư.
4. 報名系統網址：<https://appls.Ncut.edu.tw/ibpiuc/Entry>
Địa chỉ hệ thống báo danh trực tuyến：<https://appls.Ncut.edu.tw/ibpiuc/Entry>
5. 報名費用：外國學生申請入學，免收報名費。

Phí báo danh: Sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học được miễn phí báo danh.

6. 申請文件：申請人請依系統指示上傳檔案(依報名系統上所要求之格式)，如下：

Hồ sơ đăng ký: Người đăng ký vui lòng làm theo hướng dẫn của hệ thống để tải file lên (quy cách phải tuân theo yêu cầu của hệ thống đăng ký), như sau:

(1). 入學申請表(線上填報)：

Mẫu đăng ký nhập học (cần điền trực tuyến):

請於報名系統填寫資料時，上傳兩吋彩色正面脫帽半身近照。報名時請務必登錄有效資料，以免自身權益受損。填寫完畢系統將自動產出申請表。

Khi điền thông tin báo danh trên hệ thống vui lòng tải lên ảnh màu cỡ (4.2*4.7 cm) chụp nửa thân trước. Khi báo danh vui lòng đảm bảo thông tin đăng nhập chính xác, hợp lệ để tránh thiệt hại đến quyền lợi của bạn. Sau khi điền đầy đủ thông tin, hệ thống sẽ tự động tạo đơn đăng ký.

(2). 護照或當地國身分證明文件 1 份：

Hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân của nước sở tại (1 bản):

請繳交護照影本或或當地國身分證明文件文件。如有外僑居留證者，需繳交居留證影本 1 份。符合教育部「外國學生來臺就學辦法」第 2 條具外國國籍且(曾)兼具中華民國國籍之規定者，需另繳近 6 年出入境紀錄、未設戶籍具結書、喪失中華民國國籍許可證明書或其他證明文件。

Vui lòng nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân của bạn. Nếu bạn có giấy phép cư trú của người nước ngoài, bạn cần nộp bản sao giấy phép cư trú đó (1 bản). Theo quy định những người có quốc tịch nước ngoài và trước đây đã từng mang quốc tịch Đài Loan cần phải nộp thêm giấy tờ xuất nhập cảnh trong 6 năm gần đây, giấy chứng minh không có hộ tịch Đài Loan, giấy chứng nhận từ bỏ quốc tịch Đài Loan hoặc những giấy tờ chứng minh khác, phù hợp với quy định của bộ giáo dục tại Điều 2" Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học".

(3). 學歷證明文件 1 份(中、英文以外之語文，加附由畢業學校或政府機關認可之中文或英文譯本為佳)：

Giấy tờ chứng minh học lực (1 bản) (Các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Trung và tiếng Anh cần đính kèm bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh do các trường học hoặc cơ quan chính phủ phê duyệt):

A. 高中及高等專科學校(含)以上畢業學歷證明文件影本，至遲於註冊報到時繳交。

Nộp bản sao **bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và cao đẳng (bao gồm cả)** bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp, thời gian nộp chậm nhất là khi đăng ký báo danh nhập học.

B. 繳交由原修業學校提出之外國學校最高學歷或同等學歷證明文件，若本校對於申請文件認定有疑義時，得要求補繳經駐外使館處驗證之證明文件。

Nộp bằng cấp học thuật cao nhất của bạn ở các trường học nước ngoài hoặc chứng chỉ tương đương do trường nơi bạn theo học cung cấp. Nếu có sự nghi ngờ về hồ sơ, trường có thể yêu cầu viên sinh nộp bổ sung các giấy tờ chứng minh đã được đại sứ quán xác nhận.

C. 取得入學許可後，於辦理報到時，需繳交台灣駐外單位、代表處或其他經外交部授權機構驗證之畢業證書(認證章正本及影本)，始得註冊入學。Sau khi nhận được giấy báo nhập học, tại thời điểm đăng ký nhập học, bạn phải nộp bằng tốt nghiệp (bản chính và bản sao có đóng dấu xác nhận) do đơn vị đại sứ quán Đài Loan, văn phòng đại diện hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao xác nhận trước khi đăng ký nhập học.

(4). 歷年成績單 1 份(中、英文以外之語文，加附由畢業學校或政府機關認可之中文或英文譯本為佳)：

Bảng điểm qua các năm (1 bản) (Các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Trung và tiếng Anh cần đính kèm bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh do các trường học hoặc cơ quan chính phủ phê duyệt):

- A. 高等專科學校 2.5 年或高專 3 年歷年成績單影本(高專 2.5 年至少含高專第 1 至第 4 學期之成績、高專 3 年至少含高專第 1 至第 5 學期之成績)及高中三年歷年成績單影本。

Bảng điểm 2.5 năm cao đẳng hoặc bảng điểm 3 năm cao đẳng (trong đó có ít nhất bảng điểm của học kỳ 1 đến học kỳ 4 cao đẳng với hệ cao đẳng 2.5 năm, có ít nhất bảng điểm của học kỳ 1 đến học kỳ 5 cao đẳng với hệ cao đẳng 3 năm) và bản sao học bạ 3 năm trung học phổ thông.

- B. 本校對於申請文件認定有疑義時，得要求補繳經駐外使館處驗證之證明文件。

Trường khi xác định có nghi ngờ về hồ sơ, có thể yêu cầu viên sinh nộp bổ sung các giấy tờ chứng minh đã được đại sứ quán xác nhận.

- C. 取得入學許可後，於辦理報到時，需繳交台灣駐外單位、代表處或其他經外交部授權機構驗證之成績單（認證章正本及影本），始得註冊入學。

Sau khi nhận được giấy nhập học, tại thời điểm đăng ký nhập học, bạn phải nộp học bạ (bản chính và bản photo có đóng dấu xác nhận) do đơn vị đại sứ quán Đài Loan, văn phòng đại diện hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao xác nhận trước khi đăng ký nhập học.

(5). 語言證明文件：

具華語文能力測驗(TOCFL)A1 級(入門級)以上能力證明影本或經本校語言中心實施華語文鑑測合格者。

Chứng chỉ ngôn ngữ:

Chứng chỉ TOCFL A1 (Trình độ nhập môn) trở lên hoặc đã thông qua bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng trung của trung tâm ngôn ngữ trường.

(6). 自傳 1 份(必繳文件)(中文或英文 300 字-1000 字)。(附件 2)

Tự truyện (1 phần) (tài liệu không bắt buộc) (viết khoảng 300 - 1000 chữ bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh). (Phụ lục 2)

四、甄審方式 Phương thức xét tuyển

1. 評分方式 Phương thức chấm điểm:

- (1) 甄審成績：採面試成績(40%)及書審資料成績(60%)，擇優錄取。

Điểm xét tuyển: Điểm phỏng vấn (40%) và điểm kiểm định tài liệu sinh viên cung cấp (60%), những sinh viên ưu tú sẽ được ưu tiên.

- (2) 面試係指 (A)指派面試委員親赴各國面試、(B)遠距視訊面試。

Phương thức phỏng vấn:(A) chỉ định người phỏng vấn đi đến các quốc gia khác nhau để phỏng vấn, (B) Phỏng vấn trực tuyến.

- (3) 經開班系審定通過不須參加視訊面試者，得直接進入推薦錄取名單。

Sinh viên được khoa đăng ký theo học cho thông qua hồ sơ xét duyệt thì không cần tham gia phỏng vấn mà trực tiếp được đưa vào danh sách trúng tuyển.

- (4) 因應傳染病或特殊情況，暫時無法親赴各國面試，故改採線上視訊面試。

Vì bệnh truyền nhiễm hoặc tình trạng đặc biệt, tạm thời không thể đi đến các nước phỏng vấn trực tiếp, vì vậy sẽ áp dụng phỏng vấn online để thay thế.

2. 錄取標準 Tiêu chí xét tuyển:

- (1) 由本專班招生委員會依甄審總成績擇優錄取，餘列備取。依最終錄取結果，公告最低錄取標準。

Do hội đồng tuyển sinh hệ chuyên ban sẽ tuyển chọn dựa trên kết quả học tập và chọn ra những sinh viên ưu tú nhất, phần còn lại sẽ cho vào danh sách chờ. Tiêu chí thấp

nhất sẽ được công bố dựa trên kết quả xét tuyển thực tế.

- (2) 正取生有缺額時，由備取生依序遞補至多到核定招生名額數為止。
Khi số lượng sinh viên trúng tuyển vẫn còn thiếu, các đợt tuyển sinh bổ sung các hồ sơ trong danh sách chờ sẽ được tiến hành theo thứ tự cho đến khi đủ số lượng sinh viên.
- (3) 本校得視成績採不足額錄取，正取生錄取不足額時，不列備取生。
Tại thời điểm xét tuyển nếu số lượng sinh viên trúng tuyển ít hơn nhiều so với chỉ tiêu thì nhà trường có quyền nhận sinh viên có thành tích học tập không đạt tiêu chuẩn và sẽ không có dự bị sinh.
- (4) 每班最終錄取學生人數低於 25 名時，不予開班。
Khi số lượng học viên cuối cùng được nhận vào mỗi lớp dưới 25 học viên, lớp học sẽ không được mở.
- (5) 甄審成績相同時，比序如下：
Khi kết quả xét tuyển giống nhau, thứ tự so sánh như sau:
A. 最高學歷歷年成績。
Thành tích học tập cao nhất.
B. 由開班系召開甄選小組會議，必要時再次視訊面試
Khoa chiêu sinh sẽ tổ chức một cuộc họp nhóm thảo luận về vấn đề xét tuyển, nếu cần sẽ tổ chức thêm một cuộc phỏng vấn nữa.

五、寄發錄取通知書 Gửi, phát giấy thông báo trúng tuyển

1. 本校將以電子郵件寄發錄取(含有條件錄取)通知書。

Trường sẽ gửi giấy báo nhập học (bao gồm điều kiện nhập học) qua email.

工作項目 Hạng mục công việc	日期 Ngày
寄發確定就讀具結書及錄取(含有條件錄取)通知書 Gửi, phát giấy xác nhận nhập học và giấy báo trúng tuyển (bao gồm điều kiện trúng tuyển)	2025 年 8 月 01 日~2025 年 8 月 05 日 01/08/2025~05/08/2025
備註 ※「啟動備取生遞補正取程序」及「寄發確定就讀具結書及錄取(含有條件錄取)通知書」得視甄審作業時間遞延或提前。 Tiến hành quá trình xét duyệt bổ sung các hồ sơ trong danh sách chờ và gửi phát thông báo giấy nhập học và kết quả trúng tuyển(bao gồm:điều kiện trúng tuyển) có thể bị hoãn hoặc sớm hơn tùy thuộc vào thời gian phỏng vấn. ※因應傳染病或特殊情況，線上報名及甄審時間可能推遲，公告錄取名單、寄發錄取通知、協助辦理簽證等時間亦將連帶延後。 Do ảnh hưởng của dịch bệnh hoặc, thời gian báo danh trực tuyến, thời gian xét tuyển, thời gian hỗ trợ thi thực có thể bị hoãn, thời gian công bố danh sách trúng tuyển và gửi giấy báo nhập học do đó cũng có thể bị hoãn lại.	

2. 錄取生線上報到：簽署「確定就讀具結書」攸關學生權益，請將附件 3 確定就讀具結書填妥並親筆簽名，依本校電子郵件內所訂期限回傳至 int-program@ncut.edu.tw，逾期視同放棄錄取資格，不得異議。

Sinh viên trúng tuyển ghi danh trực tuyến:Việc ký vào giấy "Xác nhận nhập học" có ý nghĩa quan trọng đối với quyền và lợi ích của học sinh,Vui lòng điền và ký tên vào biểu mẫu xác nhận nhập học trong tệp đính kèm 3 và gửi lại bản xác nhận đó vào mail của trường: int-program@ncut.edu.tw trước thời hạn được đề cập trong thư từ trường. Vượt quá thời hạn sẽ được coi là từ bỏ nhập học và không được phép phản đối.

六、報到及註冊入學 Đăng ký và ghi danh nhập học

1. 錄取生須至本校國際事務處辦理報到手續。
Sinh viên nhập học phải đến Văn phòng Quốc tế của trường (OIA) để làm thủ tục đăng ký.
2. 錄取生應依錄取通知規定辦理註冊手續，註冊時應繳交下列文件，未繳交者不得註冊入學：
Sinh viên nhập học cần làm thủ tục đăng ký theo quy định của giấy báo nhập học, và khi đăng ký cần nộp đầy đủ các giấy tờ sau, sinh viên chưa nộp sẽ không được đăng ký nhập học:
 - (1) 護照（正本驗畢發還）及中華民國簽證頁影本 1 份。
Hộ chiếu (trả lại bản gốc sau khi kiểm tra) và 1 bản sao trang thi thực của Đài Loan.
 - (2) 學歷證明文件正本或同等學歷證明文件正本 1 份（經學歷授予學校所在地之中華民國駐外館處或相關規定單位驗證正本 1 份；若學歷證明文件為臺灣學校所授予，則不需經由駐外機構驗證）。
Bản gốc học bạ hoặc bản gốc các văn bằng chứng chỉ trình độ học vấn tương đương (1 bản) (1 bản sao học bạ gốc do các cơ sở, trường học bạn theo học cung cấp cần phải có xác nhận của đại sứ quán, văn phòng đại diện Đài Loan hoặc các đơn vị thẩm quyền liên quan; Nếu chứng chỉ, học bạ do một trường học tại Đài Loan cấp thì không cần xác nhận của các cơ quan đại sứ quán nước ngoài).
 - (3) 最高學歷歷年成績單正本 1 份（經成績單授予學校所在地之中華民國駐外館處或相關規定單位驗證正本 1 份；若成績單為臺灣學校所授予，則不需經由駐外機構驗證）。
Bản gốc bảng điểm của trình độ học vấn cao nhất (1 bản) (1 bản sao của bảng điểm gốc do các cơ sở, trường học bạn theo học cung cấp cần phải có xác nhận của đại sứ quán, văn phòng đại diện Đài Loan hoặc các đơn vị thẩm quyền liên quan; Nếu bảng điểm do một trường học Đài Loan cấp thì không cần xác nhận của các cơ quan đại sứ quán nước ngoài).
 - (4) 財力證明書 Giấy chứng minh tài chính：
 - A. 最近 3 個月內經金融機構開具（至少美金 1 千元），或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。
Giấy chứng nhận được phát hành bởi một tổ chức tài chính (ít nhất là 1000 USD) trong vòng 3 tháng gần nhất, hoặc cung cấp các giấy tờ chứng minh về học bổng toàn phần do chính phủ, trường cao đẳng, đại học hoặc các tổ chức tư nhân cấp.
 - B. 申請學生財力證明，審核條件為：須經銀行等金融機構開立存款證明，財力證明不限活期存款或定期存款。財力證明若由本人名義開立，必須有銀行蓋章證明，若由父母親名義開立，則必須再加附公證證明文件，但若有政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明者則免附。
Đơn xin giấy chứng minh tài chính của sinh viên và các điều kiện xét duyệt: ngân hàng hoặc các cơ quan tài chính khác cần phải cung cấp giấy tờ xác nhận số tiền khách hàng gửi và giấy chứng minh tài chính đối với tiền gửi không thời hạn hoặc gửi có thời hạn. Nếu giấy chứng minh tài chính đứng tên sinh viên thì phải có xác nhận của ngân hàng, nếu đứng tên bố mẹ thì phải đính kèm giấy tờ chứng minh. Sinh viên không cần chứng minh tài chính nếu có các giấy tờ chứng minh về học bổng toàn phần do chính phủ, trường cao đẳng, đại học hoặc các tổ chức tư nhân cấp.
 - (5) 健康檢查證明書 Giấy kiểm tra sức khỏe：
 - A. 最近 6 個月內醫院出具。
Do bệnh viện cấp trong vòng 6 tháng gần đây.
 - B. 可於確定錄取後、報到註冊時繳交，未能繳交者將取消其錄取資格。健康檢查不合格者，依「入出國及移民法」、「外國人停留居留及永久居留辦

法」等相關規定辦理。

Có thể cung cấp sau khi xác nhận đăng ký nhập học, nếu không cung cấp sinh viên sẽ bị huỷ bỏ tư cách nhập học. Những sinh viên có tình trạng sức khỏe không đạt yêu cầu sẽ bị xử lý theo quy định “Luật xuất nhập cảnh và di cư”, “Quy định cư trú và thường trú của người nước ngoài” và các quy định khác liên quan.

七、其他申請注意事項 Những điều cần chú ý khác khi làm hồ sơ đăng ký

1. 申請人之中文基礎能力由各系審查時認定之。

Trình độ thông thạo tiếng Trung cơ bản của sinh viên sẽ được xác định bởi các khoa trong quá trình xét duyệt.

2. 外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Sinh viên quốc tế khi nộp các giấy tờ xin nhập học mà có hiện tượng giả mạo, thông tin của người khác, tẩy xóa... sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển; đã là sinh viên của trường, sẽ bị hủy bỏ tư cách sinh viên tại trường, đồng thời không cấp phát bất kỳ văn bằng liên quan nào; khi tốt nghiệp mà bị phát hiện, sẽ bị nhà trường hủy bỏ tư cách tốt nghiệp đồng thời hủy bỏ bằng học vị của sinh viên đó.

3. 外國學生來臺就學後，其於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學。

Sinh viên nước ngoài sau khi đến Đài Loan học tập, trong thời gian học có thể đăng ký và chuyển đổi hộ khẩu Đài Loan, xin nhập hoặc quay lại quốc tịch Đài Loan, đánh mất tư cách là du học sinh thì sẽ bị cho thôi học.

4. 外國學生經入學以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再申請入學，如違反此規定並經查證屬實者，撤銷其入學資格或開除學籍。

Sinh viên nước ngoài đang theo học tại các trường tại Đài Loan, nếu như vì hạnh kiểm, thành tích không hợp lệ hoặc vì vi phạm những vụ việc liên quan đến hình sự mà bị kết án dẫn đến bị thôi học, sẽ không được áp dụng theo bản quy định này để đăng ký xin vào trường theo học. Nếu vi phạm quy định này và được xác minh là đúng sự thực sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học hoặc bị đuổi học.

5. 外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少 6 個月效期之醫療及傷害保險，在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外館處驗證。

Khi sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học, tân sinh viên nên đính kèm giấy kiểm tra sức khỏe và bảo hiểm thương tật có thời hạn ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh. Sinh viên đang theo học tại Đài Loan nên đính kèm các giấy tờ bảo hiểm liên quan của bạn tại Đài Loan như bảo hiểm y tế.... Theo điều khoản trên nếu giấy chứng minh bảo hiểm được cấp ở nước ngoài thì cần phải có sự xác nhận của đại sứ quán.

6. 外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；逾期取消錄取資格。

Thời gian sinh viên đến nhập học chưa vượt quá 1/3 so với lượng thời gian học của kỳ 1 năm học thì có thể đăng ký học ở kỳ học hiện tại, nếu quá kỳ hạn sẽ bị hủy tư cách nhập học.

7. 本校為鼓勵本專班就學之國際學生，訂有國際專班外籍學生助學金設置要點。相關資訊請至本校網頁查詢。

Để khuyến khích sinh viên quốc tế theo học chương trình hệ chuyên ban này, nhà trường đã tạo ra các xuất học bổng dành cho sinh viên quốc tế theo học chương trình hệ chuyên ban. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng truy cập trang web của trường.

8. 所有申請文件一概不退還，請自行保留備份。

Tất cả các tài liệu ứng tuyển sẽ không được trả lại, vui lòng tự chuẩn bị một phần để giữ lại

9. 本校辦理招生，需依個人資料保護法規定，取得並保管考生個人資料，在辦理招生事務之目的下，進行處理及利用。本校將善盡善良保管人之義務與責任，妥善保管考生個人資料，僅提供招生相關工作目的使用。凡報名本招生者，即表示同意授權本校，

得將自考生報名參加本招生所取得之個人及其相關成績資料，運用於本招生事務使用，並同意提供其報名資料及成績予(1)考生本人、(2)辦理新生報到或入學資料建置。

Nhà trường tổ chức tuyển sinh cần tuân theo quy định của “Luật bảo vệ thông tin cá nhân” trong việc thu thập và lưu giữ dữ liệu cá nhân của sinh viên cũng như xử lý và sử dụng dữ liệu đó cho mục đích tuyển sinh. Nhà trường phải có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo mật thông tin dữ liệu của sinh viên và chỉ được sử dụng cho mục đích liên quan đến tuyển sinh. Bất kỳ ai đăng ký tham gia tuyển sinh này, có nghĩa là đã đồng ý cho phép trường có thể sử dụng dữ liệu cá nhân và thành tích học tập liên quan mà sinh viên đăng ký tuyển sinh cung cấp cho trường để sử dụng cho công tác tuyển sinh. Và đồng thời cũng được coi là đồng ý cung cấp thông tin báo danh và thành tích học tập để xây dựng dữ liệu nhập học, gồm có (1) Thông tin cá nhân của sinh viên, (2) Dữ liệu đăng ký hoặc nhập học của tân sinh viên

10. 參加本招生考生對甄審結果如有疑義，得填寫「外國學生申請入學考生申訴書」(申訴書格式詳見附錄)，於錄取名單公告後 30 日內以書面敘明具體事由並檢具佐證資料向本校招生委員會提出，由本校依相關規定處理；未具名之申訴案件不予處理。Nếu sinh viên tham gia đợt tuyển sinh này có nghi ngờ về kết quả xét duyệt, có thể điền vào "Đơn khiếu nại dành cho sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học" (xem phần phụ lục về mẫu đơn khiếu nại) và nêu lý do cụ thể bằng văn bản, và cung cấp bằng chứng cụ thể trong vòng 30 ngày sau khi danh sách nhập học được công bố. Thông tin sẽ được nộp cho hội đồng tuyển sinh của trường và nhà trường sẽ xử lý theo quy định có liên quan; các khiếu nại không nêu tên sẽ không được xử lý.

11. 本簡章中文版與越譯版語意有所差異時，依中文版為主。如有未盡事宜，依相關法規及本校招生委員會決議辦理。

Nếu có sự khác biệt về ngữ nghĩa giữa phiên bản tiếng Trung và bản tiếng Việt của tập tài liệu này, bản tiếng Trung sẽ được dùng làm căn cứ. Nếu có bất kỳ vấn đề nào, sẽ được xử lý theo quy định pháp luật có liên quan và nghị quyết của hội đồng tuyển sinh trường.

※申請本專班就讀之外國學生，應備文件及相關規定應以中華民國教育部網站公布之最新「外國學生來臺就學辦法」之規定為準，請申請者隨時查閱教育部網站。

(網址：<http://edu.law.moe.gov.Tw/LawContent.aspx?id=FL009279#lawmenu>)

Sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học hệ chuyên ban cần chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và tuân thủ theo các quy định mới nhất liên quan được công bố trên trang web của bộ giáo dục Đài Loan. Sinh viên có thể tra cứu thông tin trên trang web của bộ giáo dục bất cứ lúc nào. (<http://edu.law.moe.gov.Tw/LawContent.aspx?id=FL009279#lawmenu>).

八、實用資訊 Thông tin thực dụng

1. 學雜費收費標準 Học phí và các khoản chi phí khác

下表本年度每學期學雜費收費標準供參考用，幣別為新臺幣，實際依當年度收費標準公告為準。(<https://info.Ncut.edu.Tw/var/file/47/1047/img/359260047.pdf>)

Bảng thu phí sau đây là tài liệu tham khảo về học phí và các khoản phí khác cần đóng cho mỗi học kỳ, đơn vị tiền tệ là đài tệ, và số tiền đóng thực tế sẽ dựa theo thông báo mức thu phí tiêu chuẩn của năm đó (<https://info.Ncut.edu.Tw/var/file/47/1047/img/359260047.pdf>)

學制 Chương trình học

工程學院冷凍空調與能源系二技國際學生產學合作專班
Lớp chuyên ban hợp tác quốc tế - Ngành Công nghệ năng lượng và Điện lạnh - Học viện công trình

學士班 Chương trình cử nhân	學費 Học phí	NT\$32,970 (US\$999)
	雜費 Các khoản phí khác	NT\$21,088 (US\$639)
	學雜費(合計) Học phí và các khoản phí khác (Tổng)	NT\$54,058 (US\$1,638)
備註 Chú thích	本專班第一學期免學雜費；每學期審查前一學期學業學業及操性成績及格且是否遵守學校規定，經審查通過且完成註冊者，第二學期免收學雜費。倘若第二學期結束前，未通過華語文能力(TOCFL) Level 2 (A2)以上等級，將予以退學。 Lớp chuyên ban này, kỳ học đầu được miễn học phí; những kỳ học sau đều phải xét thành tích học tập và điểm hạnh kiểm của kỳ trước và phải xét xem sinh viên có tuân thủ các quy định của trường hay không. Những sinh viên đã thông qua xét duyệt và hoàn thành đăng ký, học kỳ thứ hai sinh viên sẽ được miễn học phí. Đồng thời trước khi kỳ học thứ hai kết thúc, nếu sinh viên không thi được chứng chỉ tiếng Trung A2 trở lên thì sẽ phải thôi học.	

2. 每學期花費估計 Chi phí ước tính cho mỗi học kỳ

包含住宿費、餐費、保險費、網路費等，僅供參考。所有費用以新臺幣為準，美金僅為概算(1 美金 $\doteq$ 33 新臺幣)。

Bao gồm phí ăn ở, phí bảo hiểm, phí internet,... (chỉ mang tính chất tham khảo). Tất cả các khoản phí đều được tính theo đài tệ và USD chỉ mang tính chất là ước tính (1 USD $\doteq$ 33 đài tệ).

項目 Item Hạng mục	費用 Fee Phí	備註 Remark Chú thích
學雜費 Học phí và Các khoản phí khác	54,058 đài tệ /kỳ	本專班第一學期免學雜費，每學期審查前一學期學業成績及格且是否遵守學校規定，經審查通過且完成註冊者，第二學期免收學雜費。倘若第二學期結束前，未通過華語文能力 (TOCFL) Level 2 (A2) 以上等級，將予以退學且第三學期不予補助學雜費。 Lớp chuyên ban này, kỳ học đầu được miễn học phí; những kỳ học sau đều phải xét thành tích học tập của kỳ trước và phải xét xem sinh viên có tuân thủ các quy định của trường hay không. Những sinh viên đã thông qua xét duyệt và hoàn thành đăng ký, học kỳ thứ hai sinh viên sẽ được miễn học phí. Đồng thời trước khi kỳ học thứ hai kết thúc, nếu sinh viên không thi được chứng chỉ tiếng Trung A2 trở lên thì sẽ phải thôi học và học kỳ thứ 3 sinh viên sẽ không nhận được bất cứ khoản trợ cấp nào.
團體健康保險費 Phí bảo hiểm xã hội	3,600 đài tệ /6 tháng (600 đài tệ/ tháng)	抵臺後前 6 個月，每月新臺幣 600 元，共 6 個月；費用報到時繳交。 Đối với 6 tháng đầu tiên sau khi đến Đài Loan, mỗi tháng cần đóng 600 đài tệ (đóng tổng cộng là 6 tháng); Sinh viên cần phải đóng chi phí trên khi đăng ký nhập học.
健康保險費 Phí bảo hiểm y tế	4,956 đài tệ /6 tháng (826 đài tệ/ tháng)	學生來臺居留滿 6 個月後，每月新臺幣 826 元；費用每學期繳交。 Sau khi sinh viên cư trú tại Đài Loan 6 tháng trở lên, mỗi tháng cần đóng 826 đài tệ; Sinh viên cần đóng theo mỗi học kỳ.
平安保險費 Phí bảo hiểm an toàn cho sinh viên	350 đài tệ / kỳ	每學期繳交 Đóng theo mỗi học kỳ
網路使用費 Phí sử dụng mạng	250 đài tệ / kỳ	每學期繳交 Đóng theo mỗi học kỳ
宿舍費 Phí ký túc xá	9,900~12,000 NTD đài tệ / một học kỳ	1.此費用為第一學年入住學校宿舍之收費；第二學期起依校外租屋標準而定。 Phí ký túc xá này chỉ áp dụng cho năm học đầu tiên ở trong ký túc xá trường; Phí ký túc xá từ năm học thứ hai sẽ dựa trên chi phí thuê phòng ngoài khuôn viên trường.
宿舍水電費 Chi phí điện nước ký túc xá	4,000 đài tệ	此為預繳費用，與宿舍費同時繳交，並於每學期末計算實際水電費，多退少補。 Đây là khoản phí trả trước, được trả cùng lúc với phí ký túc xá, và phí điện nước dùng thực tế sẽ được tính vào cuối mỗi học kỳ. Nếu bạn sử dụng nhiều hơn mức đã trả thì bạn phải bù thêm tiền, còn nếu dùng ít hơn mức đã trả bạn sẽ được hoàn lại số tiền dư.
居留證申辦費 Phí xin giấy phép cư trú	1,015 đài tệ / năm	每年申辦一次 Mỗi năm làm một lần.

項目 Item Hạng mục	費用 Fee Phí	備註 Remark Chú thích
銀行開戶費 Phí mở thẻ ngân hàng	1,000 đài tệ	費用將存至學生個人帳戶 Phí này sẽ được gửi vào tài khoản cá nhân của sinh viên
新生體檢費 Phí khám sức khỏe của sinh viên năm nhất	580 đài tệ	只有新生剛入學時需體檢 Chỉ sinh viên năm nhất mới cần khám sức khỏe khi mới nhập học
工作證費 Phí xin giấy phép lao động	100 đài tệ / kỳ	1.有工讀需求者，須申辦工作證。 Những sinh viên muốn đi làm thêm cần phải xin giấy phép lao động. 2.學期間，每週工讀時數至多 20 小時，且結束時間不得超過晚上 10 點。 Trong thời gian kỳ học diễn ra, thời gian đi làm mỗi tuần nhiều nhất là 20 tiếng/tuần, và thời gian tan ca không được quá 10 giờ đêm.
書籍費 Phí mua sách	3,000 đài tệ / kỳ	此為每學期預估花費 Đây là chi phí ước tính cho mỗi học kỳ
生活費 Phí sinh hoạt	48,000~60,000 đài tệ /6 tháng (8,000~10,000 đài tệ / tháng)	此為每六個月預估花費 Đây là chi phí ước tính của 6 tháng

3. 獎助學金 Học bổng và hỗ trợ tài chính

(1) 「入學助學金」Trợ cấp nhập học

- 新生完成註冊者，第一學期每人 10,125 新台幣(約美金 307 元)。
Tân sinh viên sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký nhập học, Kỳ học đầu tiên mỗi sinh viên sẽ nhận được 10,000 đài tệ (khoảng 307 USD).
- 學業及操性成績格且遵守學校規定，經本校審查通過且完成註冊者，第二學期每人 10,125 新台幣(約美金 307 元)。
Sinh viên có thành tích học tập và hạnh kiểm tốt và tuân thủ theo các quy định của nhà trường, thông qua các đợt xét duyệt của nhà trường cũng hoàn thành đầy đủ việc đăng ký cho mỗi kỳ học. Kỳ học thứ 2 mỗi người sẽ nhận được 10,125 đài tệ (khoảng 307 USD).

(2) 「全額學費獎學金」Học bổng toàn phần

- 學業及操性成績格且遵守學校規定，經本校審查通過且完成註冊者。
Sinh viên có thành tích học tập và hạnh kiểm tốt và tuân thủ theo các quy định của nhà trường, thông qua các đợt xét duyệt của nhà trường và hoàn thành đầy đủ việc đăng ký cho mỗi kỳ học.
- 第一學期至第二學期免收學雜費。(第二學期結束前應通過華語文能(TOCFL) Level 2 (A2)等級以上。)
Học kỳ thứ nhất và học kỳ thứ 2 sẽ được miễn 100% học phí. (Trước khi kết thúc học kỳ thứ 2 sinh viên phải thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng trung và lấy được bằng tiếng Trung A2 trở lên.)
- 倘若第二學期結束前,未通過華語文能力(TOCFL)Level2(A2)以上等級,將予以退學。
Nếu trước khi học kỳ thứ 2 kết thúc mà sinh viên không thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Trung TOCLF 2 (bằng A2) trở lên thì sẽ phải thôi học.

(3) 「實習津貼」Trợ cấp thực tập

- 經實習合作廠商認定媒合成功者,將安排校外實習課程。若實習媒合未成功或無法完成實習課程者,將安排無實習津貼之校內專業科目授課。

Thông qua công ty hợp tác xác định hợp tác thành công sẽ sắp xếp lịch thực tập cho sinh viên. Nếu hợp tác không thành công hoặc sinh viên không thể tiếp tục hoàn thành khóa thực tập ngoài trường, thì sẽ sắp xếp các môn học chuyên ngành liên quan tại trường cho sinh viên.

- 產業實習成績及格且遵守學校規定，經審查通過者。

Những sinh viên có thành tích thực tập tốt tại các doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của nhà trường, thông qua các đợt xét duyệt.

- **第四及第五學期**起提供校外實習課程，參照本國勞動基準法規定，提供到產業實習的學生每小時不低於法定基本時薪的實習津貼。

Học kỳ thứ 4 và học kỳ thứ 5 nhà trường sẽ cung cấp các khóa thực tập ngoài trường. Theo Luật tiêu chuẩn lao động của Đài Loan quy định, sinh viên đến các doanh nghiệp thực tập sẽ nhận được không thấp hơn tiền lương thực tập cơ bản theo quy định.

(欲了解各專班是否有增額獎學金的訊息，請參閱各專班之網頁。)

Để biết thêm thông tin về việc các lớp chuyên ban có thêm học bổng hay không, vui lòng tham khảo trang web của từng lớp.

4. 學雜費退費基準表 Bảng tiêu chuẩn hoàn trả học phí và các khoản phí khác.

學生休、退學時間 Thời gian sinh viên bảo lưu hoặc thôi học.	學費、雜費退費比例 Tỷ lệ hoàn trả học phí và các khoản phí khác.	備註 Chú ý
一、 註冊日（包括 當日）前申請 休退學者。 Sinh viên xin bảo lưu hoặc thôi học trước ngày đăng ký (bao gồm cả ngày đăng ký).	免繳費，已收費 者，全額退費。 Miễn nộp phí, nếu đã nộp sẽ được hoàn trả toàn bộ.	
二、 於註冊日之 次日起至上課(開 學)日之前一日申 請休、退學者。 Sinh viên xin bảo lưu hoặc thôi học từ ngày tiếp theo sau ngày đăng ký đến ngày trước ngày bắt đầu học.	學費退還三分之二，雜費 全部退還。 Hoàn trả 2/3 học phí, tạp phí được hoàn trả toàn bộ.	其採學分學雜費或學雜費基 數核算者，退還學分費全 部、學雜費基數（或學分學 雜費）三分之二。 Đối với trường hợp tính theo học phí tín chỉ hoặc mức phí cơ bản, sẽ hoàn trả toàn bộ học phí tín chỉ và 2/3 mức phí cơ bản (hoặc học phí tín chỉ và tạp phí).
三、 於上課(開學) 日（包括當日）之 後而未逾學期三 分之一申請休、退 學者。 Vào ngày bắt đầu học (bao gồm cả ngày khai giảng) nhưng chưa vượt quá 1/3 học kỳ mà nộp đơn xin bảo lưu hoặc thôi học.	學費、雜費退還三分之 二。 Học phí và tạp phí sẽ được hoàn lại 2/3.	其採學分學雜費或學雜費基 數核算者，退還學分費、學 雜費基數(或學分學雜費)各 三分之二。 Nếu học phí được tính theo số tín chỉ hoặc dựa trên mức phí cơ bản, thì sẽ được hoàn lại 2/3 học phí tín chỉ và 2/3 mức phí cơ bản (hoặc 2/3 học phí tín chỉ và tạp phí).
四、 於上課(開學) 日（包括當日）之	學費、雜費退還三分之 一。	其採學分學雜費或學雜費基數核 算者，退還學分費、學雜費基

後逾學期三分之一，而未逾學期三分之二申請休、退學者。 Sau ngày bắt đầu học (bao gồm cả ngày khai giảng) và đã vượt quá 1/3 học kỳ nhưng chưa quá 2/3 học kỳ mà nộp đơn xin bảo lưu hoặc thôi học.	Học phí và tạp phí sẽ được hoàn lại 1/3.	數（或學分學雜費）各三分之一。 Nếu học phí được tính theo số tín chỉ hoặc dựa trên mức phí cơ bản, thì sẽ được hoàn lại 1/3 học phí tín chỉ và 1/3 mức phí cơ bản (hoặc 1/3 học phí tín chỉ và tạp phí).
五、於上課（開學）日（包括當日）之後逾學期三分之二申請休、退學者。 Sau ngày bắt đầu học (bao gồm cả ngày khai giảng) và đã vượt quá 2/3 học kỳ mà nộp đơn xin bảo lưu hoặc thôi học.	所繳學費、雜費，不予退還。 Học phí và tạp phí đã nộp sẽ không được hoàn lại.	
備註 注意： 一、表列註冊日、上課（開學）日及學期之計算等，依本校正式公告之行事曆認定之。Ngày đăng ký, ngày bắt đầu học (ngày khai giảng) và cách tính học kỳ được xác định theo lịch chính thức do trường công bố。 二、學生申請休學或自動退學者，其休、退學時間應依學生（或家長）向學校受理單位正式提出休、退學申請之日為計算基準日；其屬勒令退學者，退學時間應依學校退學通知送達之日為計算基準日。但因進行退學申復（訴）而繼續留校上課者，以實際離校日為計算基準日。 Đối với sinh viên xin bảo lưu hoặc tự ý thôi học, ngày được tính làm cơ sở xác định thời gian bảo lưu hoặc thôi học sẽ là ngày sinh viên (hoặc phụ huynh) chính thức nộp đơn xin bảo lưu hoặc thôi học tại đơn vị tiếp nhận của trường. Đối với sinh viên bị buộc thôi học, ngày tính thời gian thôi học sẽ là ngày nhận được thông báo buộc thôi học từ nhà trường. Tuy nhiên, nếu sinh viên tiếp tục học tại trường trong thời gian chờ kết quả khiếu nại (hoặc kiện tụng) về quyết định buộc thôi học, thì ngày rời trường thực tế sẽ được lấy làm ngày tính toán. 三、休、退學之學生應於學校規定期限內完成離校手續；其有因可歸責學生之因素而延宕相關程序者，以實際離校日為計算基準日。 Sinh viên xin bảo lưu hoặc thôi học phải hoàn tất thủ tục rời trường trong thời hạn quy định của nhà trường. Nếu có sự chậm trễ do lỗi của sinh viên, ngày rời trường thực tế sẽ được lấy làm ngày tính toán.		

5. 聯絡資訊 Thông tin liên lạc

國際事務處 Văn phòng quốc tế	冷凍空調與能源系 Khoa Công nghệ năng lượng và Điện lạnh
電話 Telephone : +886-4-23924505 分機 Extension : 2198 傳真 Fax : +886-4-2393-9845 E-mail : oia@ncut.edu. Tw 網址 Website: http://www. Ncut.edu. Tw/oia/new2/index.php Facebook: https://www.facebook.com/oia. Ncut.edu. Tw	電話 Telephone : +886-4-23924505 分機 Extension : 8241 傳真 Fax : +886-4-2393-2758 E-mail : raoffice@ncut.edu. Tw 網 址 Website : https://rac3. Ncut.edu. Tw/index.php

九、招生委員會 Hội đồng tuyển sinh

國立勤益科技大學外國學生專班招生委員會組織規程 Quy định của Hội đồng tuyển sinh hệ chuyên ban quốc tế trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích

108 年 6 月 3 日外國學生專班第 1 次招生委員會決議訂定

Phiên họp lần thứ nhất vào ngày 03/06/2019 Nghị định thiết lập hệ chuyên ban quốc tế được Ủy ban tuyển sinh quyết định thông qua.

第一條 Article 1

本校為配合教育部新南向政策及推動本校國際化，依據教育部發布「大學辦理招生規定審核作業要點」特組織「國立勤益科技大學外國學生專班招生委員會」(以下簡稱本會)，並訂定組織規程(以下簡稱本規程)。

Để phù hợp với chính sách Tân Hướng Nam mới của Bộ Giáo dục và thúc đẩy quá trình quốc tế hóa, theo “Các quy định và công tác trọng điểm trong vấn đề tuyển sinh đại học” của Bộ Giáo dục công bố, trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích đặc biệt thành lập hội “Hội đồng tuyển sinh hệ chuyên ban quốc tế” và đặt ra các quy định cho tổ chức.

第二條 Article 2

本會置主任委員一人，由校長擔任之，綜理會務；置副主任委員一人，由副校長擔任之，協助主任委員處理會務；置總幹事一人由國際事務處處長擔任之，秉承主任委員指示綜理本會招生事宜及交辦事項；並置委員至少三人，由相關單位主管、相關各系及代表組成。本會會議由主任委員視招生項目，召集相關委員為之。

Hiệp hội có một chủ tịch sẽ do hiệu trưởng đảm nhận để giải quyết các công việc của hội nghị; một phó chủ tịch sẽ do hiệu phó đảm nhận để giúp chủ tịch giải quyết các công việc của hội nghị; một thư ký điều hành do trưởng phòng văn phòng quốc tế đảm nhận, người này sẽ quản lý toàn diện các công việc tuyển sinh, các công việc khác theo hướng dẫn của chủ tịch và các nhiệm vụ do hiệp hội giao cho; ngoài ra, hiệp hội sẽ có ít nhất ba thành viên, bao gồm người đứng đầu các đơn vị, phòng ban và đại diện có liên quan. Các cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh, cũng như các thành viên hiệp hội có liên quan, sẽ được chủ tịch triệu tập dựa theo đối tượng tuyển sinh.

第三條 Article 3

本會遵照法令辦理招生事宜，其職責如下：

Hội đồng tuyển sinh sẽ xử lý các vấn đề liên quan đến tuyển sinh theo quy định của pháp luật và trách nhiệm của hiệp hội như sau:

(一)審議招生簡章及有關招生事務章則、辦法。

Xem lại các hướng dẫn tuyển sinh và các quy tắc và phương pháp tuyển sinh liên quan.

(二)審議收支預算表，並決定人力及經費之分配運用。

Xem lại bảng ngân sách thu chi và xác định việc phân bổ và sử dụng nhân lực và ngân quỹ.

(三)訂定招生工作事項及日程。

Đặt ra các hạng mục công việc và lịch trình tuyển sinh.

(四)決定招生廣告之刊登事宜。

Quyết định về việc đăng quảng cáo tuyển sinh.

(五)決定招生新生名額及錄取標準。

Xác định số lượng tuyển sinh và tiêu chí xét tuyển.

(六)辦理有關招生研究改進事項。

Nghiên cứu và cải cách xử lý các vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh.

(七)其他有關招生工作事宜。

Các vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh khác.

第四條 Article 4

各系所辦理各項入學招生，應設置甄選小組，由該系系主任依規定遴選資格符合之教師至少二人組成之，系主任為召集人，辦理訂定該項招生之「申請條件、甄試方式、篩選標準、錄取標準、錄取方式、錄取名額」及相關注意事項等。各甄選小組組織要點由各單位另定之。

Mỗi khoa phụ trách các công tác tuyển sinh khác nhau, nên cần thành lập một nhóm nhỏ gồm ít nhất hai giáo viên đủ tiêu chuẩn do chủ nhiệm khoa lựa chọn theo quy định. Chủ nhiệm khoa là người triệu tập, thiết lập các "điều kiện tuyển sinh, cách thức phỏng vấn, tiêu chí tuyển sinh, phương thức xét tuyển, hạn ngạch tuyển sinh" và những điều cần chú ý liên quan khác,... Cách thức các nhóm tổ chức phỏng vấn xét tuyển sẽ do từng đơn vị quy định.

第五條 Article 5

本會依需要以任務編組方式，辦理各項有關招生入學工作事項及主任委員或總幹事交辦事項。

Hội đồng tuyển sinh sẽ thực hiện và giải quyết tất cả các công việc liên quan đến việc tuyển sinh hoặc các nhiệm vụ do Chủ tịch hoặc Thư ký điều hành giao cho.

第六條 Article 6

本會開會時，由主任委員擔任主席。主任委員不能出席時，由主任委員指定副主任委員或總幹事擔任之。

Khi cuộc họp được tổ chức, Chủ tịch sẽ là người chủ trì cuộc họp, trong trường hợp Chủ tịch không thể chủ trì cuộc họp thì cuộc họp do Phó Chủ tịch hoặc Thư ký điều hành do Chủ tịch chỉ định chủ trì.

第七條 Article 7

本會委員及工作人員均為無給職，但得酌給工作津貼。

Các thành viên và nhân viên của tổ chức này sẽ không được trả lương, nhưng họ có thể nhận được phụ cấp.

第八條 Article 8

本會開會時，需有應出席會議委員三分之二以上出席始可開議，並經出席委員二分之一以上同意始可決議。本會委員因故無法出席時，得由代理人代表出席，並進行議決。

Trong cuộc họp này cần phải có trên 2/3 số thành viên có mặt mới được thảo luận và chỉ được đưa ra quyết định khi có sự đồng ý của hơn một nửa số thành viên có mặt. Nếu các thành viên của tổ chức này không thể tham dự vì lý do nào đó, người đại diện của họ có thể đại diện để tham dự và đưa ra quyết định.

第九條 Article 9

本規程經外國學生專班招生委員會會議通過後實施，修正時亦同。

Quy định này được thực hiện sau khi hội đồng tuyển sinh nước ngoài họp và thông qua, bản sửa đổi giống với bản cũ.

附錄 Phụ lục

國立勤益科技大學產學合作國際專班入學申請表(線上填寫完畢會自動匯出) Đơn đăng ký nhập học hệ chuyên ban hợp tác quốc tế trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích

◎申請人須詳細逐項填寫此申請表一式1份

Vui lòng điền chi tiết vào mẫu đơn này. Bạn chỉ cần điền vào biểu mẫu này một lần.

◎請用中文或英文正楷填寫

Vui lòng dùng Tiếng Trung hoặc Tiếng Anh để điền thông tin.

I. 個人資料 Thông tin cá nhân

最近二吋照片
Ảnh cỡ 4.2*4.7
gắn đây nhất

申請人姓名 Tên người đăng ký			
出生日期 Ngày sinh		性別 Giới tính	☐ 男 Nam ☐ 女 Nữ
國籍 Quốc tịch		出生地 Nơi sinh	護照號碼： Số hộ chiếu:
中華民國國籍 Quốc tịch Đài Loan	☐ 有 Yes ☐ 無 No		
住址 Địa chỉ			
電子郵件 Email		Line	
		Facebook	
		WeChat	
電話 Số điện thoại		行動電話 Số di động	
緊急聯絡人姓名 Tên người liên hệ khẩn cấp		電話 Số điện thoại	
住址 Địa chỉ			
電子郵件 Email		Line	
		Facebook	
		WeChat	

II.教育背景 Giáo dục

學程 Chương trình	高中或高職 Trung học Phổ Thông hoặc Trường dạy nghề	學院或大學 Cao Đẳng hoặc Đại Học
學校名稱 Tên trường		
學校所在地 Địa chỉ trường học		
學位 Học vị		
畢業日期 Ngày tốt nghiệp (預計畢業年度) (Ngày tốt nghiệp dự kiến)		
主修 Ngành học		
語言能力 Trình độ ngoại ngữ 英文 Tiếng Anh <u>上傳佐證檔案</u> <u>Tải tệp lên</u>	☐ 托福 TOEFL: ☐ 多益 TOEIC: ☐ 雅思-國際英語測驗 IELTS: ☐ 其他 Other:	
語言能力 Trình độ ngoại ngữ 中文 Tiếng Trung <u>上傳佐證檔案</u> <u>Tải tệp lên</u>	☐ 入門級 Level 1/A1 ☐ 進階級 Level 3/B1 ☐ 流利級 Level 5/C1 ☐ 基礎級 Level 2/A2 ☐ 高階級 Level 4/B2 ☐ 其他 Other: ☐ 馬來西亞統考華語成績 Tổng kết quả kỳ thi tiếng Trung của Malaysia	

III. 擬申請就讀之專班志願序(得填1-3個志願，勿重複)

Nguyện vọng đăng ký lớp học (Điền 1-3 cái nguyện vọng, không được lặp lại)

選填志願 Chọn điền nguyện vọng	專班名稱 Tên lớp
	冷凍空調與能源系(Khoa điện lạnh, điều hòa không khí và năng lượng) Department of refrigeration & air conditioning and energy

自傳

Tự truyện

請以中文或英文扼要敘述個人家庭、學經歷背景等個人簡介。

Vui lòng dùng tiếng Trung hoặc tiếng Anh giới thiệu ngắn gọn về gia đình, bản thân, quá trình học tập, ... của bạn.

[illegible]

申請人簽章 Người đăng ký ký tên : _____

確定就讀具結書

Giấy cam kết xác nhận nhập học

本人 _____ 確定就讀國立勤益科技大學 114 學年度 冷凍空調與能源系 國際學生產學合作專班，並已填妥及確認下方資料皆為正確。本人謹此聲明本人所提供之資料均屬完整與真實。本人明白倘若故意虛報資料或隱瞞重要事實，國立勤益科技大學可取消本人之入學資格。

Tôi:.....bằng văn bản này xác nhận rằng tôi đồng ý theo học lớp chuyên ban hợp tác quốc tế Khoa Công nghệ năng lượng và Điện lạnh của trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích năm học 114 (2025). Tôi đã hoàn thành và xác nhận đầy đủ các thông tin dưới đây là chính xác. Tôi xin cam đoan rằng thông tin do tôi cung cấp là đầy đủ và đúng sự thật. Tôi hiểu rằng nếu tôi cố tình khai báo sai thông tin hoặc che giấu sự thật quan trọng, trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích có thể hủy bỏ tư cách nhập học của tôi.

表格一 Bảng 1

請依據本身情形，勾選並填寫下列問題

Vui lòng đánh dấu và điền vào các câu hỏi sau dựa theo tình hình của riêng bạn

☐ 我已經有護照 Tôi đã có hộ chiếu rồi.

◆護照姓名(Tên trong hộ chiếu): _____

◆護照號碼(Số hộ chiếu): _____

☐ 護照還在申請中，預計取件日 _____ (請填日期)

Đang trong quá trình làm hộ chiếu, ngày nhận dự kiến.....(vui lòng điền ngày)

- 上方欄位皆為必填資料。Các thông tin ở bảng trên bắt buộc đều phải điền.
- 簽署「確定就讀具結書」攸關學生權益，請將附件 3 確定就讀具結書填妥並親筆簽名，依本校電子郵件內所訂期限內回傳至 int-program@ncut.edu.Tw，逾期視同放棄錄取資格，不得異議。

Việc ký tên vào " Giấy xác nhận nhập học" đó là quyền lợi của sinh viên, vui lòng ký tên vào mẫu xác nhận nhập học đính kèm ở phụ lục 3 và gửi lại vào email: int-program@ncut.edu.Tw trước thời hạn quy định trong thư của trường, quá thời hạn sẽ bị coi là từ bỏ tư cách nhập học và không được phép đưa ra ý kiến phản đối.

通知每位學生獲面試委員推薦錄取的資訊是學生的重要權益，也是標準流程。為了保護備取生的權益，假如推薦錄取生 未在期限內 Email 簽署的具結書將喪失錄取資格並由備取生依序遞補。

Việc thông báo kết quả phỏng vấn tuyển sinh là quyền quan trọng nhất của mỗi sinh viên và cũng là dựa theo một quy trình chuẩn. Để đảm bảo quyền lợi của sinh viên dự bị, nếu như sinh viên trúng tuyển đầu vào không ký xác nhận nhập học qua email trước thời hạn sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học và sinh viên dự bị sẽ được xét duyệt bổ sung theo thứ tự danh sách.

立具結書人 Người cam kết ký tên: _____ (親筆簽章 Signature)

西元 _____ 年 _____ 月 _____ 日
_____(yyyy)/ _____(mm)/ _____(dd)

具結書 Bản Cam Kết

1. 本人保證符合中華民國教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定。
Tôi xin hứa sẽ tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan "Quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan du học".
 2. 本人所提供之所有相關資料（包括學歷、護照及其他相關文件之正本及其影本）均為合法有效之文件，如有不符規定或變造之情事，經查屬實者，本人同意取消入學資格並註銷學籍，並不得申請任何有關之學分證明或畢業證書。
Tất cả các thông tin liên quan do tôi cung cấp (bao gồm cả bản chính và bản sao bằng cấp học vấn, hộ chiếu và các giấy tờ liên quan khác) đều là tài liệu hợp pháp, hợp lệ, nếu có bất kỳ sai lệch hoặc giả mạo nào, thông qua điều tra và chứng nhận là đúng sự thực, tôi chấp nhận hủy bỏ tư cách nhập học, tư cách sinh viên của trường và không nhận được bất cứ chứng chỉ hoặc văn bằng tốt nghiệp nào.
 3. 本人所提供之最高學歷證明(申請大學部者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書)，在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，並所持有之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位，如有不實或不符規定或變造之情事，經查屬實者，本人同意取消入學資格並註銷學籍，並不得申請任何有關之學分證明或畢業證書。
Giấy chứng nhận bằng cấp cao nhất do tôi cung cấp (ứng viên chương trình cử nhân nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, ứng viên cho chương trình thạc sĩ nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học và ứng viên cho chương trình tiến sĩ phải nộp chứng chỉ trình độ thạc sĩ), có giá trị pháp lý và hợp lệ tại quốc gia nơi tôi tốt nghiệp, và có giá trị tương đương với bằng cấp tương đương được cấp bởi các cấp, các trường hợp pháp tại Đài Loan theo từng học vị. Nếu có sai lệch hoặc không phù hợp với quy định hoặc giả mạo, thông qua điều tra và chứng nhận là đúng sự thực, tôi chấp nhận hủy bỏ tư cách nhập học, tư cách sinh viên của trường và không nhận được bất cứ chứng chỉ hoặc văn bằng tốt nghiệp nào.
 4. 本人未曾遭中華民國國內各高中職及大專院校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學。如違反此規定並經查證屬實者，本人同意取消入學資格並註銷學籍。
Tôi chưa từng bị cho thôi học do hạnh kiểm, học lực kém hoặc do vi phạm những vụ việc liên quan đến hình sự mà bị kết án ở các trường trung học, cao đẳng và đại học tại Đài Loan. Trong trường hợp vi phạm quy định này, được điều tra và chứng nhận là đúng, tôi đồng ý nhà trường hủy tư cách nhập học và hủy tư cách sinh viên.
 5. 本人取得入學許可後，在辦理註冊時，須繳交我國駐外館處、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之畢業證書及成績單（認證章）正本，始得入學，屆時若未如期繳交，即由貴校取消入學資格，絕無異議。
Sau khi có giấy báo nhập học, khi đăng ký, tôi phải nộp bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp và bảng điểm (đóng dấu xác thực) đã được xác nhận bởi đại sứ quán, văn phòng đại diện của Đài Loan, các cơ quan hành chính hoặc các tổ chức tư nhân được ủy thác. Nếu tôi không nộp đúng thời hạn, nhà trường có quyền hủy bỏ tư cách nhập học của sinh viên mà không có bất kỳ phản đối nào.
 6. 本人若於就學期間在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，以致喪失國際學生身分，本人接受校方退學之處分。
Nếu trong thời gian học tập tôi xin đăng ký, chuyển đổi hộ tịch, hộ khẩu Đài Loan hoặc khôi phục quốc tịch Đài Loan, và mất tư cách là sinh viên quốc tế do những nguyên nhân trên, tôi sẽ chấp nhận hình phạt bị thôi học của nhà trường.
 7. 簡章中文版與英譯版語意有所差異時，依中文版為主。
Nếu có sự khác biệt về ngữ nghĩa giữa bản tiếng Trung và bản tiếng Anh của các tài liệu tuyển sinh, sẽ lấy bản tiếng Trung làm căn cứ để xử lý.
- 上述所陳之任一事項同意授權 貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後查證屬實者，本人願意接受 貴校註銷學籍處分，絕無異議。
Tôi đồng ý ủy quyền và cho phép trường có thể xác minh đối với tất cả thông tin tôi đã cung cấp ở trên. Nếu có bất kỳ sai lệch hoặc không tuân thủ quy định nào, và sau khi nhập học thông tin được điều tra và chứng nhận đúng sự thực, tôi sẵn sàng chấp nhận hình phạt hủy bỏ tư cách sinh viên từ trường học mà không có bất kỳ phản đối nào.

申請人簽名 Người nộp đơn ký tên _____ 日期 Ngày Date _____

授權書 Giấy Ủy Quyền

國立勤益科技大學於本次招生作業中，授權取得學生之識別類、特徵類、學習經歷類等個人資料作為本校建立名單及招生聯繫之用，並須基於「學生資料管理」之目的，向有意願就讀之錄取學生蒐集其他與就學相關的資料，以供本校於學生求學期間及地區內的必要利用，例如學籍建立、資料管理、教育行政、住宿安排、必要聯繫等。

Trong công tác tuyển sinh, trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích được phép thu thập thông tin cá nhân của sinh viên như nhận dạng, đặc điểm, kinh nghiệm học tập,... nhằm mục đích thiết lập danh sách và liên hệ tuyển sinh cho trường, đồng thời cung cấp thông tin cho mục đích "Quản lý thông tin sinh viên". Những sinh viên có nguyện vọng theo học sẽ thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến trường để có thể sử dụng trong suốt quá trình học tập và trong giới hạn địa lý, chẳng hạn như thiết lập tình trạng trường học, quản lý thông tin, quản lý giáo dục, sắp xếp chỗ ở, liên hệ cần thiết,...

我授權國立勤益科技大學查證我所提供的所有資料。

Tôi đồng ý ủy quyền cho trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích có thể xác minh đối với tất cả thông tin tôi đã cung cấp.

正楷書寫全名 Viêt tên đầy đủ của bạn:.....

護照號碼 Số hộ chiếu:.....

出生日期 Ngày sinh:.....

日期 Ngày:.....

國立勤益科技大學產學合作國際專班
外國學生申請入學考生申訴書

Thư khiếu nại của sinh viên nước ngoài xin đăng ký nhập học
Hệ chuyên ban hợp tác quốc tế trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích

姓名 Tên	(中文 Tiếng Trung)		
	(英文 Tiếng Anh)		
申請系所 Ngành đăng ký học			
申請學位 Học vị đăng ký	☐ 學士 Cử nhân		
電子信箱 Email			
聯絡電話 Số điện thoại liên lạc		手機號碼 Số điện thoại di động	
聯絡地址 Địa chỉ liên lạc			
申訴事實與理由： Sự việc và lý do khiếu nại:			
申訴目的： Mục đích khiếu nại:			

佐證資料：

Thông tin hỗ trợ:

備註：於錄取名單公告後 30 天內填妥本表，如有佐證資料併寄至 411030 臺中市太平區坪林里中山路二段 57 號 國立勤益科技大學國際事務處國際交流組。

Chú thích: Nhận thư khiếu nại trong vòng 30 ngày sau khi danh sách trúng tuyển được công bố, nếu có tài liệu, chứng cứ xin gửi đến: Văn phòng quốc tế (OIA), No.57, Zhongshan Road Sec.2, Pinglin Village, Taiping District, Taichung City 411030



國立勤益科技大學

National Chin-Yi University of Technology

產學合作國際專班學生重要權利義務通知書

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT QUỐC LẬP CẦN ÍCH

Thông báo quan trọng về quyền và nghĩa vụ của sinh viên hệ chuyên ban
hợp tác quốc tế

Notice of Significant Rights for Students of Industry-Academia Collaboration

Program by National Chin-Yi University of Technology

●外國學生來台就學辦法

Quy định dành cho sinh viên quốc tế đến Đài Loan du học

Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan

([https://law.moj.gov. Tw/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001](https://law.moj.gov.tw/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001))

◎外國學生經入學學校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再依本辦法申請入學。

Sinh viên nước ngoài đang theo học tại các trường tại Đài Loan, nếu như vì hạnh kiểm, thành tích không hợp lệ hoặc vì vi phạm những vụ việc liên quan đến hình sự mà bị kết án dẫn đến bị thôi học, sẽ không được áp dụng theo bản quy định này để đăng ký xin vào trường theo học.

An international student who is dismissed from a university or tertiary college after admission as a result of unsatisfactory conduct, or poor academic performance, or a conviction in criminal case proceedings is not permitted to re-apply for admission to an educational institution under these Regulations.

◎外國學生經入學學校以操行不及格或因刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得轉學進入大專校院就讀。

Sinh viên quốc tế khi đang theo học tại các trường tại Đài Loan nếu như có hạnh kiểm kém hoặc vì vi phạm những vụ việc liên quan đến hình sự mà bị kết án dẫn đến bị thôi học, sẽ không được đăng ký xin chuyển tiếp lên các trường đại học, cao đẳng để theo học.

An international student who has been dismissed by the educational institution that admitted the student as a result of unsatisfactory conduct or of a conviction in criminal case proceedings is not permitted to transfer to another university or tertiary college.

◎外國學生註冊時，新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，保險證明如為國外所核發者，應經駐外機構驗證。在校生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。

Khi sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học, tân sinh viên nên đính kèm giấy kiểm tra sức khỏe và bảo hiểm thương tật có thời hạn ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh, nếu giấy chứng minh bảo hiểm được cấp ở nước ngoài cần phải có các cơ quan nước ngoài xác nhận. Sinh viên đang theo học tại Đài Loan nên đính kèm các giấy tờ bảo hiểm liên quan của bạn tại Đài Loan như bảo hiểm y tế...

When a new international student registers, they shall submit proof of being covered by a medical and injury insurance policy which is valid for at least six months from the date that they entered Taiwan. If the proof of insurance referred to in the previous paragraph was issued in a foreign country it shall be authenticated by an overseas mission.

Current students shall present documentary proof that they have joined Taiwan's National Health Insurance Plan.

◎具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者，得依本規定申請入學。
Là sinh viên nước ngoài với tư cách không phải là người từng có quốc tịch Đài Loan, và khi đăng ký xin nhập học với tư cách không phải là Hoa Kiều, sẽ căn cứ theo quy định của nhà trường để đăng ký theo học.

A person of foreign nationality who has never held Republic of China ("R.O.C.") nationality and who does not have overseas Chinese student status at the time of their application is permitted to apply for admission to an educational institution, in accordance with these Regulations.

◎外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Sinh viên quốc tế khi nộp các giấy tờ xin nhập học mà có hiện tượng giả mạo, mượn thông tin của người khác, tẩy xóa... sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển; đã là sinh viên của trường, sẽ bị hủy bỏ tư cách sinh viên tại trường, đồng thời không cấp phát bất kỳ văn bằng liên quan nào; khi tốt nghiệp mà bị phát hiện, sẽ bị nhà trường hủy bỏ tư cách tốt nghiệp đồng thời hủy bỏ bằng học vị của sinh viên đó.

An international student who submits any certificate or document as part of their application for admission to an educational institution that is found to be forged, fabricated, or that has been altered in some way shall have their enrollment eligibility revoked. If the student has already registered and begun classes, their registration as a current student shall be cancelled and they will not be awarded any certification whatsoever regarding their related academic undertakings. If any such circumstances are first discovered after a student has already graduated, the educational institution shall revoke the former student's eligibility to graduate and shall require any degree already awarded to be returned and shall rescind it.

●本校學則 / Nội quy trường học / School Constitution of NCUT

◎本校每學期授課時間十八週。

Thời gian giảng dạy của trường là 18 tuần cho một kỳ học.

18 weeks in total for each semester.

◎學生應於每學期規定期限內完成學費、學雜費、雜費、學分費或學分學雜費繳納作業；如因重病或特殊事故需申請延期註冊者，應檢具證明文件於註冊繳費截止日前提出申請，案經核准延期註冊者至多以兩星期為限。

Sinh viên cần chi trả học phí, các khoản chi phí khác, tạp phí, lệ phí tín chỉ hoặc tạp phí tín chỉ trong thời gian trường quy định của mỗi học kỳ; nếu sinh viên cần gia hạn chi trả do bệnh hiểm nghèo hoặc gặp phải sự cố đặc biệt thì cần phải nộp đơn đăng ký xin gia hạn và sinh viên nên nộp đơn trước thời hạn nộp tiền học phí kèm theo các tài liệu chứng minh. Những hồ sơ được chấp nhận sẽ được kéo dài thời hạn tối đa là 2 tuần.

Students should pay tuition fees during the period of each semester.

If you need to apply for extension of registration due to serious illness or special reasons, you should attach certified documents before the deadline for registration. The approved extension of the case is limited to a maximum of two weeks.

◎學生成績（包括學業、操行）核計採百分記分法。百分記分法以一百分為滿分，以六十分為及格。

Thành tích của sinh viên (bao gồm: bảng điểm, hạnh kiểm) được tính theo thang điểm trăm điểm. Số điểm cao nhất là 100 điểm, số điểm đạt qua môn là 60 điểm.

Scores including academic and conduct grade are calculated in the way of hundred-mark system. Full scores is 100; Passed score is 60.

◎各類考試曠考之學生，其曠考科目之成績以零分計算。

Mỗi kỳ kiểm tra đối với sinh viên vắng thi, bỏ thi điểm các môn vắng thi sẽ được tính bằng 0 điểm.
For each student who absent from the exam, the scores of the subjects will be calculated as zero points.

◎學生因故不能上課，須依照請假規則請假。

Sinh viên vì một lý do nào đó không thể đến lớp phải xin nghỉ phép theo quy định.

Students who are unable to attend classes for any reason must take a leave in accordance with the rules.

◎學生修業期滿，並符合學校規定者，授予學士學位。

Bằng cử nhân sẽ được trao cho những sinh viên đã hoàn thành chương trình học và đáp ứng các quy định của trường.

Students who have completed their studies and met all the regulations will be awarded a bachelor's degree by their respective departments.

●打工的權益與須知/ Các quyền và nghĩa vụ làm việc bán thời gian cần biết

Notice of part-time rights

就業服務法/Luật dịch vụ việc làm /*Employment Service Act*: <https://law.moj.gov.>

[Tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=N0090001](https://law.moj.gov.)

勞動基準法/Luật tiêu chuẩn lao động /*Labor Standards Act*: <https://law.moj.gov.>

[Tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=N0030001](https://law.moj.gov.)

◎外國學生如有打工，不論有無報酬及工作類別，均必須先申請並取得工作許可證後，才能前往打工，如您是進入適用「勞動基準法」的公民營事業單位打工，其各項勞動條件，如工資、工作時間、休息、休假、請假及職業災害補償，皆依勞動基準法辦理。

Nếu sinh viên nước ngoài có việc làm thêm, bất kể thù lao và loại hình công việc, trước tiên sinh viên phải nộp đơn đăng ký và xin giấy phép lao động trước khi đi làm. Nếu bạn là người làm việc bán thời gian trong một cơ sở công lập hoặc tư nhân áp dụng quy định "Luật Tiêu chuẩn Lao động", các tiêu chuẩn điều kiện làm việc như tiền lương, giờ làm việc, thời gian nghỉ, ngày nghỉ, nghỉ phép và bồi thường tai nạn lao động, tất cả đều được xử lý dựa trên Luật Tiêu chuẩn Lao động.

If students have any kind of part-time job, no matter you will get paid or not, must apply for a working-permit before work. If you are work at the governmental or privatization department and applicable for Labor Standard Act, standard working condition such as wage, hours of work, break time, days off, ask for leave and workers compensation, they all based on the Labor Standard Laws.

◎生活照顧或工讀的問題，可向曼特師尋求協助。

Nếu gặp bất kỳ vấn đề gì trong cuộc sống hàng ngày hoặc công việc bán thời gian, vui lòng liên hệ với thầy cô phụ trách lớp để được giúp đỡ.

If encounter any problems on daily life or part-time work, please contact mentor for help.

◎工讀合約須與實習合約應分別訂定。

Hợp đồng làm việc bán thời gian và hợp đồng thực tập nên được đặt riêng biệt.

Part-time contract and internship contract should set separately.

◎學校若協助安排學生於廠商工讀，學校可與廠商簽訂合作意向書，協助維護學生工讀之相關勞動權益。

Nếu nhà trường hỗ trợ bố trí sinh viên làm việc và học tập tại các doanh nghiệp, nhà trường có thể ký công văn hợp tác với doanh nghiệp để hỗ trợ bảo vệ quyền lợi lao động của sinh viên khi làm việc và học tập tại doanh nghiệp.

If school arrange students part time in the cooperation, school can sign LOI (Letter of Intent) with cooperation in order to protect students' Labor rights.

◎非法超時工讀，學校於校內相關規章訂定罰則，提醒您必須遵守就業服務法之規定。

Làm thêm quá giờ bất hợp pháp, nhà trường sẽ đưa ra các hình phạt dựa trên các quy định của trường đề nhắc nhở sinh viên phải tuân thủ theo các quy định của “Luật dịch vụ việc làm”.

School has enacted related regulations and Penal Provisions about illegal overtime work, it is necessary for you to obey the Employment Service Act.

◎學生於工讀期間，應依就業服務法第 50 條之規定，在臺合法工讀，並依勞動基準法等勞動法令保障其權益。

Trong thời gian học tập tại Đài Loan, sinh viên được phép làm việc bán thời gian hợp pháp theo Điều 50 của “Luật dịch vụ việc làm” và “Luật tiêu chuẩn lao động” quy định và được Luật lao động bảo vệ quyền lợi.

In Taiwan, students should do part-time job legally according to the provisions of Article 50 of the Employment Service Act, and their rights should be guaranteed in accordance with Labor Standard Act.

◎「學生個人與廠商的工讀合約」為學生個人與廠商簽之合約，屬學生自主工作意願。任何工讀均須由學生自主與廠商簽署雙方工讀合約，不得有強迫情事。

“Hợp đồng bán thời gian giữa sinh viên và doanh nghiệp” là hợp đồng được ký kết giữa sinh viên và doanh nghiệp dựa trên sự tự nguyện của sinh viên. Bất cứ công việc bán thời gian nào đều phải do sinh viên và doanh nghiệp song phương ký kết hợp đồng mà không có bất kỳ sự cưỡng chế, ép buộc nào.

The part time contract between student and cooperation is based on student's own willingness, students and cooperation should sign the part-time contract without any enforcement.

◎工讀薪資應直接匯入學生專屬帳戶。

Tiền lương làm việc sẽ được chuyển trực tiếp vào tài khoản riêng của sinh viên.

Salary of part time should transfer directly into student bank account.

◎廠商所提供實習津貼及工讀薪資應分類入帳，不得逕以一筆薪資總數名義匯入學生帳戶。

Khoản phụ cấp thực tập và lương làm việc bán thời gian sẽ do doanh nghiệp hạch toán riêng và phân riêng chuyển khoản, không được phép chuyển một lần tổng số tiền lương vào tài khoản của sinh viên.

Internship allowance and salary of part time offer by cooperation should transfer separately, mustn't

transfer salary in single score into student bank account.

◎嚴禁廠商有代扣代辦費或代扣學雜費之情形。

Nghiêm cấm tình trạng doanh nghiệp khấu trừ phí đại lý hoặc khấu trừ các phụ phí khác.
Cooperation is strictly prohibited withhold agent fee or Tuition and Miscellaneous Fees.

◎學期間工讀，每週總時數不得逾 20 小時。

Trong thời gian học, tổng số giờ làm việc trong tuần không quá 20 giờ.
The maximal part-time hours are 20 hours per week during the semester.

◎暑假及寒假期間工讀，不受限每週 20 小時，但應符合勞基法規定。

Trong kỳ nghỉ hè và nghỉ đông thời gian làm việc bán thời gian không bị giới hạn 20 giờ một tuần, nhưng cần tuân thủ các quy định của Luật Lao động.
There is no part-time limitation of 20 hours during winter and summer vacation, but students should obey the Labor Standard Act.

◎學期間於同一廠商從事校外實習課程及工讀活動，每週總時數不得逾 40 小時。

Sinh viên thực tập và làm thêm trong cùng một doanh nghiệp không được vượt quá 40 giờ mỗi tuần trong mỗi học kỳ.
Students doing part-time job and internship in the same cooperation cannot exceed 40 hours per week during the semester.

◎學生每日實習及工讀總時數不得超過 8 小時，且結束時間不得超過晚上 10 點。

Học sinh mỗi ngày đi thực tập và đi làm không được quá 8 giờ/ngày, và thời gian làm việc không được vượt quá 10 giờ đêm.
Students doing part-time job and internship cannot over 8 hours per day and cannot finish the time over 10 pm.

◎外國學生無論於校內外工讀，均必須申請工作證。

Sinh viên nước ngoài cần phải xin giấy phép lao động, bất kể sinh viên đang làm việc bán thời gian trong hay ngoài nhà trường.
As an international student who works in Taiwan (either on campus or off campus) is required to apply for the work permit.

●校外實習津貼 /Trợ cấp thực tập /Off-campus internship allowance

◎經實習合作廠商認定媒合成功者，將安排校外實習課程。若實習媒合未成功或無法完成實習課程者，將安排無實習津貼之校內專業科目授課。

Thông qua công ty hợp tác xác định hợp tác thành công sẽ sắp xếp lịch thực tập cho sinh viên, nếu hợp tác không thành công sẽ sắp xếp thực tập không lương và sắp xếp các môn học liên quan đến chuyên ngành học tại trường cho học sinh.
Students are successfully matched by the internship company will arrange off-campus internship courses. If students fail to be matched, they will be arranged to study on-campus professional courses.

◎實習津貼：若以時薪計為新臺幣 190/時 (5.8 USD)；以月薪計為最低新臺幣 28,590/月(866 USD)。

(不低於基本工資為原則，入廠實習視當時基本工資調整)

Trợ cấp thực tập:Nếu tính theo giờ: đô Đài là 190/giờ (khoảng 5.8 USD); Tính lương tháng: đô Đài là 28,590/tháng (khoảng 866 USD).
(Theo nguyên tắc tiền trợ cấp thực tập sẽ không thấp hơn mức lương cơ bản, tiền trợ cấp thực tập tại doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh theo mức lương cơ bản hiện hành.)

Internship allowance: If based on hourly rated NTD190 per hour (5.8 USD) ; The lowest monthly rated is NTD 28,590 per month (866 USD). (No less than the minimum wage, the intern allowance from industry will vary in accordance with the minimum wage at the time.)

◎教育部最新規範，校外實習給予的是津貼，非獎助金。

Theo quy định mới nhất của Bộ giáo dục sinh viên thực tập ngoài trường sẽ nhận được trợ cấp, không phải học bổng.

Refer to the newest regulation from Ministry of Education; students who do off-campus internship should be given "allowance", not scholarship.

●國際專班學生助學金 /Trợ cấp phí cho sinh viên hệ chuyên ban quốc tế

Stipend for students of International Bachelor Program

◎入學助學金: 新生完成註冊者，第一學期每人新臺幣 10,125 元；前一學期學業及格且遵守學校規定，經本校審查通過者，第二學期每人新臺幣 10,125 元，合計每人共新臺幣 20,250 元。

Trợ cấp nhập học: Tân sinh viên sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, kỳ học đầu tiên mỗi người sẽ nhận được 10,125 đài tệ; Những sinh viên có thành tích học tập tốt trong kỳ trước và tuân thủ đúng quy định của nhà trường, thông qua xét duyệt của nhà trường sẽ nhận được thêm 10,125 đài tệ trong học kỳ 2, tổng cộng mỗi người sẽ nhận được 20,250 đài tệ.

Admission Stipend: 10,125NTD will be given to freshmen that have completed registration in the first semester. Students who successfully pass all the subjects in the last semester and conform to the school rules will get another 10,125NTD in the second semester.

●國際專班學生學雜費獎學金

Phụ phí và học bổng cho sinh viên hệ chuyên ban quốc tế

Tuition Scholarship for students of International Bachelor Program

◎新生完成註冊者，第一學期免學雜費。

Tân sinh viên sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, kỳ học đầu tiên sẽ được miễn 100% học phí.

Tuition will be 100% waived for freshmen that have completed registration in the first semester.

◎每學期審查前一學期學業成績及格且是否遵守學校規定，經審查通過且完成註冊者，第二學期免收學雜費。倘若第二學期結束前，未通過華語文能力(TOCFL) Level 2 (A2)以上等級，將予以退學且第三學期不予補助學雜費。

Lớp chuyên ban mỗi kỳ học đều phải xét duyệt theo thành tích học tập của kỳ trước và phải xét xem học sinh có tuân thủ các quy định của trường hay không, sau khi thông qua xét duyệt và hoàn thành đăng ký của mỗi kỳ học, học kỳ thứ hai sẽ được miễn học phí. Nếu trước khi học kỳ thứ 2 kết thúc mà học sinh không thi được chứng chỉ tiếng Trung cấp 2 (bằng A2) trở lên thì sẽ bị hủy hết toàn bộ học bổng và sẽ phải thôi học.

If students successfully pass all the subjects in the last semester and conform to the school rules, fees will be 100 waived for the second semester after the examination of the committee board. If students haven't passed Language proficiency level 2 Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) after the second semester, Tuition and Miscellaneous fees would not be waived, also would be expelled from school.

●其他相關資訊及規定/Các thông tin và quy định liên quan khác

Other related information and regulations

◎外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；逾期取消錄取資格。

Thời gian sinh viên đến nhập học chưa vượt quá 1/3 so với lượng thời gian học của kỳ 1 năm học thì đăng ký học ở kỳ học hiện tại, nếu quá kỳ hạn sẽ bị huỷ tư cách nhập học.

If the time of registration by a foreign student has not exceeded 1/3 of the first semester, he/she shall be admitted to the University at the same semester. However, admission will be canceled if registration is overdue.

◎因新型冠狀病毒肺炎疫情等特殊因素而逾期入學者，經學校同意可延後入學者不在此限。

Đối với sinh viên đến nhập học muộn do các yếu tố đặc biệt như dịch viêm phổi mới coronavirus,.. thông qua sự đồng ý của nhà trường có thể hoãn thời gian nhập học không thời hạn.

Those who are late for enrollment due to special factors such as the pandemic of COVID-19 are not limited to it.

◎居留證每年需延長一次費用為新臺幣 1,015 元，有效期限需自行注意。每次開學 2 週內將由國際處協辦新辦或延期，超過集體辦理時間者，需自行辦理。**逾期須罰款。**

Lệ phí đăng ký gia hạn ARC(thẻ cư trú) mỗi năm một lần là 1015 đài tệ và thời hạn hiệu lực của thẻ bạn phải tự lưu ý. Trong 2 tuần đầu khai giảng Văn phòng quốc tế(OIA) sẽ giúp tất cả sinh viên đăng ký làm mới hoặc gia hạn thẻ, những ai nộp quá thời gian đăng ký làm tập thẻ này sẽ phải tự đi làm mới. Để quá hạn thẻ sẽ bị phạt tiền.

Fees for applying one-year ARC is NTD 1015 per time, and students should watch out the valid date on their own. Office of International Affairs will help students apply for it, but if you miss the group-application date, you should apply for it on their own. Students will be fined for overdue application.

◎學生必須出席經過校方單位通知的校務相關重大集會(如學則、交通住宿安全、修業規範、打工實習規範等宣導集會)否則將被學校以曠課論處。

Sinh viên phải tham dự các buổi họp mặt lớn liên quan đến các vấn đề của trường do nhà trường thông báo (ví dụ như: nội quy học tập, an toàn giao thông và chỗ ở, quy định của trường, các quy định về đi thực tập và làm việc bán thời gian,..) nếu bạn không tham gia sẽ bị coi là trốn học.

Students must attend to those important meetings or activities notified by school about School Constitution, security of transportation and accommodation, academic regulation, regulation for part-time job and internship, etc., or you would receive the conduct minus due to the absence.

◎外國人應為在臺取得大學學士(含)以上學歷之外國留學生、僑生與其他華裔學生，並經勞動部審核累計點數滿 70 點，即符合留臺工作資格。

Người nước ngoài phải là sinh viên nước ngoài đã tốt nghiệp có bằng cử nhân trở lên tại Đài Loan, hoa kiều và các sinh viên gốc Hoa khác đều phải tích lũy đủ 70 điểm mới được Bộ Lao động phê duyệt đủ điều kiện ở lại Đài Loan làm việc.

Foreigners should be foreign students who have Bachelor or above degree in R.O.C., overseas Chinese students or ethnic Chinese students, and employment permits will be distributed to those who score above 70 points.

◎大專校院境外學生輔導平臺及申訴專線(<https://www.Nisa.moe.gov.Tw/>、0800-789-007)

Trang web và đường dây nóng hỗ trợ tư vấn và khiếu nại dành cho sinh viên quốc tế của các trường đại học, cao đẳng

Network for International Student Advisors: <https://www.Nisa.moe.gov.Tw/>、0800-789-007

Inquiry hotline 0800-789-007

國立勤益科技大學新生入臺事宜說明及具結書
Cam kết và hướng dẫn tân sinh viên làm thủ tục nhập cảnh Đài Loan
của trường Đại học Khoa Học và Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích
Affidavit of Arrival
for New Students of National Chin-Yi University of Technology

一、 入臺前簽證說明：以下為簽證辦理之原則，駐外館亦可能依情況調整更動。

Hướng dẫn xin visa (thị thực) trước khi nhập cảnh Đài Loan: Sau đây là các nguyên tắc xử lý thị thực, và đại sứ quán có thể được điều chỉnh và thay đổi theo tình hình.

Visa instructions before entering Taiwan: The following are the principles of visa processing, and the Embassy may adjust and change according to the situation.

1. 持正式畢業證（明）書者：外館可核發居留簽證。

Đối với sinh viên có chứng chỉ tốt nghiệp chính thức: Đại sứ quán có thể cấp thị thực cư trú.

With official certificate of graduation: Resident Visa may be issued by the Embassy.

2. 持臨時畢業證（明）書者：外館可核發 60~180 天不等之停留簽證，後續必須申請延簽或轉換居留簽證，費用約新臺幣 3500 元（含居留證辦理費用），學生需自行負擔。如無法成功於臺灣轉換居留簽證者，需出境重新辦理居留簽證來臺，期間所發生之費用由學生自行負擔。

Đối với sinh viên có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời: Đại sứ quán có thể cấp thị thực cho thời gian lưu trú từ 60 đến 180 ngày, sau đó bạn phải xin gia hạn hoặc chuyển đổi thị thực cư trú. Chi phí khoảng 3.500 Đài tệ (bao gồm cả chi phí làm thẻ cư trú), sinh viên phải tự chi trả khoản chi phí này. Nếu không thể thành công thay đổi visa cư trú tại Đài Loan, du học sinh cần phải xuất cảnh trở về nước và xin visa(thị thực) cư trú mới để đến Đài Loan, trong thời gian đó các chi phí phát sinh sẽ do du học sinh tự chịu.

With temporary certificate of graduation: 60-180-day Visitor Visa may be issued by the Embassy. You must apply for the extension or conversion of Residence Visa afterwards. The cost is about 3500 NTD (including ARC processing fee.) If you fail in changing Residence visa in Taiwan, you may take the risk of flying back to your country to reapply for Residence Visa to Taiwan. All costs happened shall be afforded by yourself.

- 二、 臺灣防疫規定及說明：以下為目前防疫規定，因疫情變化不斷，學生來臺時依據我國最新防疫管控政策規定辦理。

Quy định và hướng dẫn phòng chống dịch bệnh của Đài Loan: sau đây là các quy định chống dịch hiện hành. Do tình hình dịch bệnh liên tục thay đổi, khi sinh viên đến Đài Loan, hãy tuân thủ theo các quy định phòng dịch mới nhất tại thời điểm đó.

Regulation and Instructions of COVID-19 Prevention in Taiwan: The following are the current regulations of COVID-19 prevention. Due to the continuous changes of epidemic, students should follow the latest regulations when they come to Taiwan.

1. 學生接獲錄取通知後，請務必與學校保持聯繫，以確保簽證办理流程及了解臺灣最新防疫規定。若因無法聯繫或程序錯誤致無法如期抵臺，後果由學生自負。

Sau khi nhận được giấy báo nhập học, sinh viên phải giữ liên lạc với nhà trường để đảm bảo quá trình xin visa (thị thực) và nắm rõ các quy định mới nhất về phòng chống dịch bệnh của Đài Loan. Nếu không thể đến Đài Loan theo đúng lịch trình do không liên lạc được hoặc do lỗi thủ tục thì sinh viên sẽ phải tự gánh chịu hậu quả.

When you are admitted, please do keep in touch with School to ensure the procedures of visa application and get known about the latest regulations of prevention of COVID-19.

2. 入境後快篩陽性者須依政府規範，在固定時間或軟體上通報健康狀況，且不得離開檢疫處所之房間，且不可關閉手機或手機 GPS 訊號。

Sau khi nhập cảnh, sinh viên test nhanh nếu là dương tính sẽ được sắp xếp cách ly theo quy định của chính phủ. Sinh viên phải báo cáo tình trạng sức khỏe của mình vào một thời gian cố định hoặc trên phần mềm theo quy định của chính phủ, và không được rời khỏi phòng của cơ sở cách ly, không được tắt máy điện thoại di động hoặc tín hiệu định vị GPS trên di động.

Students must report their health status on time or on software in accordance with government regulations, and must not leave the quarantine room, also must not turn off their mobile phones or mobile GPS signals.

3. 檢疫期間，學生須與本校同仁保持聯繫，不可中斷或無回應。

Trong thời gian cách ly, sinh viên phải giữ liên lạc với trường, không được để bị gián đoạn hoặc không phản hồi.

During the quarantine period, students must keep in touch with School.

4. 檢疫期間未遵守臺灣政府防疫規定者，最高處以新臺幣 100 萬罰款；另學校亦有校規處罰。

Trong thời gian cách ly, ai không tuân thủ quy định phòng chống dịch bệnh của chính phủ Đài Loan sẽ bị phạt và **mức phạt cao nhất lên đến 100 vạn đài tệ**; Ngoài ra nhà trường cũng sẽ đưa ra những hình phạt dựa trên nội quy của nhà trường.

During the quarantine period, those who fail to comply with the COVID-19 prevention regulations of the Taiwan government will be fined up to NT\$1 million. In addition, NCUT also have rules and penalties.

☐ 我已清楚了解以上說明 / Tôi đã hiểu rõ phân hướng dẫn ở trên.

I have fully understand the instructions above.

✧ 英文姓名/Tên tiếng anh/ *Print Name on Passport* : _____

✧ 生日/Ngày sinh/ *Date of birth* : _____ (yyyy/mm/dd)

✧ 護照號碼/Số hộ chiếu /*Passport No.* : _____

切結人 (簽名) /Ký tên/ *Signature* : _____

日期/Ngày ký /*Sign on* : _____ (yyyy/mm/dd)